



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

www.haiants.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Năm báo cáo: 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên công ty : Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
- Giấy chứng nhận đăng ký DN số : 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 11 năm 2022
- Vốn điều lệ : 703.446.670.000 đồng
(*Bằng chữ: Bảy trăm ba tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 703.446.670.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính : tầng 7, số 45, phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3987 7515 : Fax: (84-24) 3974 4022
- Website : www.haiants.vn
- Mã chứng khoán : HAH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2009

- Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tiền thân là Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An được thành lập ngày 08/05/2009 theo Giấy ĐKKD lần đầu và mã số thuế 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp với mức VDL 150.000.000.000 đồng. Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An được hình thành trên cơ sở góp vốn của bốn đơn vị bao gồm Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An) và Công ty cổ phần Hải Minh.
- Tháng 05/2009, Công ty xây dựng bến container đầu tiên.

Năm 2010

- Tháng 08/2010, Công ty thực hiện lắp đặt cần cẩu chuyên dụng 45 tấn đầu tiên tại cầu tàu.
- Tháng 10/2010, thành lập công ty con 100% vốn – Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP) có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201126468
- Sau 20 tháng triển khai xây dựng, Cảng Hải An hoàn thành giai đoạn 1.

- Ngày 15/12/2010, Lễ khánh thành cảng container Hải An được tổ chức và tàu container “MV Mell Senang” với trọng tải 700TEU của hãng Mariana Express Lines Pte cập bến.
- Ngày 07/10/2010 Công ty thực hiện tăng VDL lên 187,5 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần 5, với sự góp vốn thêm từ 3 công ty: Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2011

- Ngày 06/02/2011, tàu “MV Ice Moon” trọng tải 700TEU cập bến.
- Ngày 06/07/2011, tàu “MV Paphos” trọng tải 700TEU của hãng Yangming Marine Transport (YML) cập bến.
- Ngày 05/11/2011, tàu container “MV Vinalines Pioneer” của hãng K-line trọng tải 560TEU cập bến.
- Ngày 19/09/2011, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An theo GCN ĐKKD lần thứ 6 với 7 cổ đông sáng lập là: Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội (tên gọi cũ là Công ty cổ phần MHC), Công ty cổ phần Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An), Công ty cổ phần Hải Minh, Công ty cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà, Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng Hải (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Hàng hải MACS) và Công ty cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại Thương-TP Hồ Chí Minh (tên gọi cũ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon).

Năm 2012

- Ngày 01/03/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 50% vốn thành lập Công ty TNHH Đại lý và tiếp vận Hải An (HAAL) với GCN ĐKKD và mã số thuế số 0201244461.
- Ngày 13/04/2012, Công ty nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đóng tàu Hải An và tăng VDL lên 231,96 tỷ đồng theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 7.
- Ngày 28/04/2012, tàu “MV Pacific Grace” của hãng Pendulum Express Lines Pte trọng tải 836TEU cập bến.
- Ngày 14/08/2012, công ty con của Công ty là Công ty TNHH Cảng Hải An góp 20% vốn thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hải (HAS) sau được đổi tên thành Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS) với Giấy CN ĐKKD và mã số thuế 0201275526.

Năm 2013

- Ngày 05/01/2013, tàu container “MV Methi Bhum” của hãng Regional Container Lines (RCL) trọng tải 1000TEU cập bến.
- Tháng 04/2013, Công ty nhận chứng nhận ISO 9001 – 2008.

- Ngày 04/07/2013, tàu “MV YM Inventive” trọng tải 1.805TEU là tàu container lớn nhất có chiều dài 172,5m cập bến làm hàng tại cảng Hải An.
- Ngày 01/09/2013, Công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ vận tải container nội địa tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh - Hải Phòng

Năm 2014

- Tháng 01/2014, tàu Leadtop trọng tải 600TEU (chở container lạnh) cập bến.
- Tháng 04/2014, tàu của các hãng liên kết OEL/YML trọng tải 1000TEU cập bến.
- Ngày 19/03/2014, Công ty kí thỏa thuận mua tàu container đầu tiên. Ngày 08/05/2014, tiếp nhận tàu MV “Haiian Park” tại Thượng Hải và tổ chức “Lễ bàn giao tàu” tại Hamburg. Ngày 16/05/2014, tàu MV “Haiian Park” chính thức tham gia vào tuyến vận tải container nội địa.
- Ngày 11/06/2014, Công ty tổ chức Lễ tiếp nhận tàu và công bố tuyến vận chuyển container nội địa với lịch tàu 03 chuyến/tuần.
- Ngày 25/07/2014, Công ty nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban chấp thuận thành công ty đại chúng theo Công văn số 4886/UBCK-QLPH ngày 29/08/2014.
- Ngày 20/10/2014, Công ty tiếp nhận tàu container thứ hai MV “Haiian Song” trọng tải 1.121TEU tại Singapore và đưa tàu vào hoạt động trên tuyến Hồ Chí Minh/Hải Phòng từ cuối tháng 10/2014.
- Ngày 22/12/2014, Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 217 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Ngày 21/01/2015, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 15/QĐ-SGDHCM.
- Ngày 11/03/2015, cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.
 - + Loại chứng khoán: Phổ thông
 - + Mã chứng khoán: HAH
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
 - + Số lượng chứng khoán niêm yết hiện tại: 23.196.232 CP
- Tháng 9/2015, Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ ba, tàu mang tên là “HAIAN TIME” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại THAILAND ngày 29 tháng 09 năm 2015. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Nhật năm 2001, đăng kiểm NK, sức chở 1.032 Teus, trọng tải 18.055 DWT với mớn 9,050m, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ. Tàu đã được đưa vào khai thác chuyến đầu tiên trên tuyến Hồ Chí Minh - Hải Phòng vào ngày 05/10/2015.

- Tháng 11/2015, thành lập công ty con 50,5% vốn - Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT), có GCN ĐKKD và mã số thuế 0201655535.

Năm 2016

- Ngày 10/3/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An tổ chức “Lễ kỷ niệm một năm ngày niêm yết cổ phiếu HAH tại HOSE và khai trương tuyến Liner vào cảng Cái Mép”.
- Ngày 22/05/2016, Công ty cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An khai trương Chi nhánh “Hải An Vũng Tàu” tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2017

- Ngày 01/01/2017, HAH chính thức trở thành Tổng đại lý cho hãng tàu SM Line Corporation-Hàn Quốc tại Việt Nam.
- Tháng 3/2017: Chuyến tàu đầu tiên của SM Line cập cảng Việt Nam
- Tháng 5/2017: Công ty đã tiếp tục đầu tư tàu container thứ tư, mang tên “HAIAN BELL” và được Công ty tổ chức tiếp nhận tại BUSAN, HÀN QUỐC ngày 08 tháng 5 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2003, hiện được phân cấp đăng kiểm GL (Đức), sức chở 1.200 Teus, trọng tải 14.308 DWT, tốc độ tối đa 19 hải lý/giờ.
- Tháng 6/2017: Công ty đã đầu tư thêm tàu container thứ năm, tàu “HAIAN FAIR”. Tàu được Công ty tổ chức tiếp nhận tại RIO DE JANEIRO, BRAZIL ngày 06 tháng 6 năm 2017. Đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Đức năm 2007, hiện được phân cấp đăng kiểm ABS (Hoa Kỳ), sức chở 1.706 Teus, trọng tải 18.017 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.
- Ngày 21/9/2017: Ký kết hợp đồng liên doanh với Pantos Holding Incorporation (Hàn Quốc) để thành lập công ty liên doanh đầu tiên với nước ngoài: Công ty TNHH Pan-Hải An (PANHAIAN) với GCN ĐKDN và MST số 0201815115.
- Ngày 25/12/2017: Công ty góp 40% vốn thành lập Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An (HAFC).

Năm 2018

- Hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An, hoàn tất việc xây dựng giai đoạn 1 của dự án (xây dựng depot có tổng diện tích 80.000 m²) và tiến hành khai thác từ tháng 8/2018.
- Tháng 11/2018, Công ty đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN LINK, đóng năm 2010 tại Nhật, sức chở 1.060 TEU, trọng tải 15.204 DWT.

Năm 2019

- Tháng 5/2019: Công ty đã đầu tư thêm tàu “HAIAN MIND, đây là tàu chuyên dụng chở container được đóng tại Quảng Ninh, Việt Nam năm 2012, sức chở 1.794 Teus, trọng tải 25.793,2 DWT, tốc độ tối đa 21 hải lý/giờ.

- Tháng 10/2019, Công ty đã tiến hành đầu tư và xây dựng giai đoạn 2 dự án Trung tâm Logistics Pan Hải An gồm các hạng mục: nhà kho CFS và văn phòng kho; hạ tầng kỹ thuật phụ trợ; bãi container và đường nội bộ (giai đoạn 2). Dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối tháng 4/2020.

Năm 2020

- Hoàn thiện thủ tục nhận chuyển nhượng tòa nhà Hải An tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Hoàn thiện, đầu tư nâng cấp cầu cảng Hải An để tiếp nhận được tàu có trọng tải đến 25.800 DWT.
- Tháng 7/2020, đã tiến hành đưa 02 kho CFS với tổng diện tích 20.000 m² tại bãi Panhaian, KCN Nam Đình Vũ vào hoạt động chính thức.
- Cuối tháng 7/2020, đã đầu tư mua và tiếp nhận thành công tàu HAIAN VIEW, đóng năm 2009 tại Nhật, sức chở 1.577 TEU, trọng tải 21.440 DWT. Sau khi tiếp nhận, tàu này đã được đưa vào tuyến nội địa để khai thác.
- Trong năm 2020, Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên HAIAN GROUP cũng đã tham gia vào nhiều công tác thiện nguyện như: ủng hộ cho chương trình "Nước cho vùng hạn mặn" tại huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng; hỗ trợ, ủng hộ cho đồng bào bão lụt tại các tỉnh miền Trung;

Năm 2021

- Tháng 1/2021, Công đoàn Công ty đã phát động phong trào ủng hộ để xây dựng tường rào và đổ sân bê tông cho cô trò vùng cao. Đại diện BCH Công đoàn Công ty đã trực tiếp lên Yên Bái trao tiền ủng hộ và tham gia làm sân trường cho các cháu học sinh vùng cao và tặng quà cho những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Ngày 09/4/2021, tiến hành mua thêm tàu vận tải container mới mang tên HAIAN EAST, nâng tổng số đội tàu lên 8 chiếc. Tàu HAIAN EAST được đóng năm 2008 tại Đức, số IMO 9363144, tàu có chiều dài 182,52m, rộng 25,2m, mớn nước 10m, có sức chở 1.702 TEU, tương đương 23.840 DWT, tốc độ tối đa đạt 19 hải lý/giờ.
- Ngày 29/4/2021, Công ty tiếp tục tiếp nhận con tàu vận tải container thứ 9 tại Singapore, tàu mang tên HAIAN WEST. Tàu được đóng mới năm 2008 tại Trung Quốc, số IMO 9357860, dài 175,47m, mớn nước 9,5m, có sức chở 1.740 TEU, tốc độ tối đa 20 hải lý/giờ.

Năm 2022

- Tháng 2/2022, đầu tư tàu container ANBIEN BAY. Tàu có tên cũ là PUTNAM, số IMO: 9444950 được đóng năm 2008 tại Nhật Bản, tàu có chiều dài 171,91 m, rộng 27,6 m, mớn nước 10,7 m, tàu có tải trọng 25.800 DWT tương đương với sức chứa 1.794 TEU trong đó 1.054 TEU trên boong và 740 TEU dưới hầm tàu, tàu có 319 phích cắm lạnh và vận tốc tối đa đạt 20,1 hải lý/giờ. Sau khi được tiếp nhận thành công, tàu được đưa vào khai thác tuyến Bắc Nam.

- Tháng 3/2022, khai trương tuyến vận tải container nội Á: HAI PHONG – HONG KONG – NANSHA – HAIPHONG với lịch trình 1 tuần/chuyến, khai thác bằng tàu HAIAN BELL có sức chở 1.2000 TEU. Đây là lần đầu tiên tàu HAIAN LINES vào khai thác hàng tại một cảng của Trung Quốc đại lục.
- Tháng 3/2022, đầu tư tàu container tiếp theo mang tên HAIAN CITY. Tàu có số IMO: 9445007, đóng năm 2008 tại Imabari, Ehime, Nhật Bản của chủ tàu Fresh South Shipping S.A. tàu có sức chở 1.577 TEU tương đương với 21.440 tấn, chiều dài tối đa 171.99 m, rộng 27.60 m, mớn nước 9.52 m, tốc độ tối đa đạt 19.7 hải lý/ giờ.
- Tháng 8/2022, Forbes Việt Nam vinh danh Hải An Group trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022.
- Tháng 9/2022, Forbes châu Á xếp Hải An trong Top 200 Công ty niêm yết có doanh thu dưới 1 tỷ đô tốt nhất châu Á – Thái Bình Dương.
- Ngày 11/11/2022, công ty tiếp nhận thành công tàu container mang tên HAIAN ROSE. Tàu có số IMO: 9444962, được đóng mới năm 2008 tại Imabari, Nhật Bản. Tàu có trọng tải toàn phần (DWT) 21.916 tấn, sức chở tối đa (max capacity) 1.708 TEU, chiều dài tối đa 171.99 m, rộng 27.60 m, mớn nước 9.517 m, tốc độ tối đa đạt 19 hải lý/ giờ. Sau khi tiếp nhận thành công tàu HAIAN ROSE, đội tàu của công ty đã nâng lên 11 chiếc với tổng sức chở gần 16.000 TEU.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính

- + Xây dựng và cung cấp các dịch vụ cảng biển: Bốc xếp, lưu giữ hàng hóa,
- + Vận tải hàng hóa bằng đường biển
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- + Dịch vụ logistics.
- + Dịch vụ đại lý vận tải biển.

- **Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị của công ty: Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên

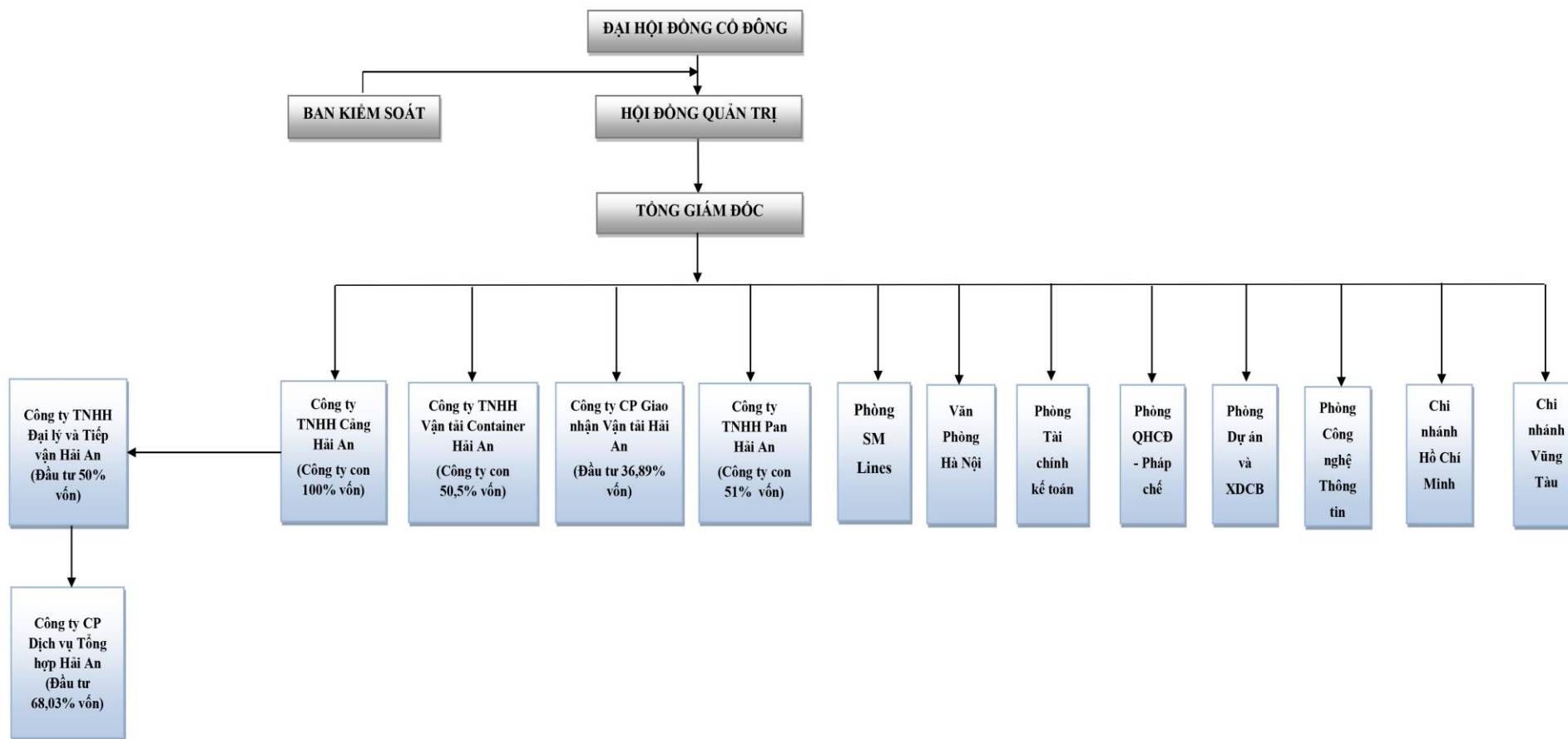
Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban TGD Công ty bao gồm:

Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 10/6/2022)
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng Công ty

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2022	Trụ sở
1	Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con	30.000.000.000 đồng	Khai thác cảng, cung cấp dịch vụ bốc xếp, giao nhận, kho bãi, vận chuyển đường bộ ...	100%	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của công ty con	75.000.000.000 đồng	- Tổ chức vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đại lý vận tải đường biển, logistics. - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....	60%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
3	Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)	Công ty con của công ty liên kết	10.000.000.000 đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa...	68,03%	Tầng 3, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
4	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con	200.000.000.000 đồng	- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa...	50,5%	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

TT	Công ty	Quan hệ	Vốn điều lệ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2022	Trụ sở
5	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết	8.100.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (bao gồm cho thuê tàu khai thác và thuyền viên) - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa 	36,89%	Tầng 14 tòa nhà Việt, số 1 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con	273.770.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi, bãi container và lưu giữ hàng hóa - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận tải hàng hóa và công-ten-nơ bằng đường thủy nội địa 	51%	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km+2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

5. Định hướng phát triển

a) Nhận định thị trường giai đoạn 2023 - 2025

Theo đánh giá của WB, IMF và các tổ chức tư vấn hàng hải lớn trên thế giới, thị trường vận tải biển nói chung và vận tải container nói riêng trong các năm tới sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do các nguyên nhân sau:

- Do lạm phát cao, sức mua suy giảm trên phạm vi toàn cầu và xu thế dịch chuyển các nhà máy sản xuất về gần nơi tiêu thụ để giảm chi phí logistics nên khối lượng vận tải sẽ giảm so với năm 2022, riêng container có thể giảm tới 8% trên một số tuyến liên lục địa (năm 2022 tuyến Châu Á - Châu Âu giảm 10,8% so với năm 2021).
- Chiến tranh Nga - Ukraine, mâu thuẫn giữa Mỹ, khối EU và Nga...chưa thể kết thúc sớm sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- Riêng với vận tải container, tình trạng dư thừa trọng tải do lượng tàu đóng mới sẽ bàn giao trong các năm 2023, 2024 (chiếm tới gần 30% tổng trọng tải đội tàu container toàn cầu) chắc chắn sẽ xảy ra. Bên cạnh đó các nước đã và đang mở rộng thêm các vùng biển quản lý khí thải (ECA) và bắt buộc tàu phải sử dụng dầu với tỷ lệ Lưu huỳnh nhỏ hơn 0,1% (DO) khi đi vào khu vực này, đồng thời IMO đã áp dụng biên pháp quản lý tốc độ khai thác thông qua việc lắp đặt (EPL) từ 01/01/2023 để giảm phát thải khí Carbon...tất cả các yếu tố nói trên sẽ làm tăng đáng kể chi phí, giảm hiệu quả kinh doanh của đội tàu Container.

b) Định hướng kinh doanh - phát triển của Công ty

Căn cứ diễn biến thị trường nêu trên và kế hoạch đầu tư, phát triển dài hạn, Công ty xác định định hướng kinh doanh trong thời gian tới như sau:

- Đối với đội tàu phải tiếp tục phấn đấu tăng thị phần vận tải container và phạm vi hoạt động trên tuyến nội địa bằng việc tăng số chuyến và các cảng ghé mới, cùng với Liên doanh ZIM-HAIAN phát triển các tuyến Nội Á (Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Trung Đông), sử dụng linh hoạt đội tàu thông qua việc áp dụng cả hai hình thức tự khai thác và cho thuê định hạn, tiết kiệm chi phí để đảm bảo cho đội tàu hoạt động có lãi.
- Đối với các doanh nghiệp Khai thác Cảng, Depot và Logistics phải phấn đấu đạt lợi nhuận cao hơn năm 2022 để hỗ trợ cho đội tàu.
- Tiếp tục mua các tàu thích hợp khi có cơ hội để tăng năng lực, chất lượng cho đội tàu đồng thời tích cực tìm kiếm và đầu tư vào các dự án hạ tầng nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng cho Công ty, phấn đấu đến năm 2025 tăng sản lượng vận tải nước ngoài lên 30% - 40% tổng sản lượng vận tải hàng năm của đội tàu.
- Tập trung thực hiện “số hóa” cho hoạt động quản lý - kinh doanh toàn bộ đội tàu vào năm 2024.

6. Các nhân tố rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải và khai thác cảng.

a) Tăng trưởng kinh tế

GDP năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022.

Khu vực dịch vụ là mũi nhọn tăng trưởng chính của nền kinh tế trong năm 2022 với mức tăng 9.99% và đóng góp 56.65% vào tăng trưởng kinh tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 5,679.9 nghìn tỷ đồng, tăng 19.8% YoY, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 15.6% YoY và tăng 15% so với năm 2019 - năm trước khi xảy ra dịch COVID-19. Tình trạng bùng nổ của khu vực dịch vụ cũng khiến lạm phát gia tăng nhanh chóng trong nửa cuối năm 2022.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.78%, đóng góp 38.24% vào tăng trưởng kinh tế. Ngành công nghiệp hồi phục khá tốt từ quý I.2022 đến quý III.2022 nhưng chậm lại rõ nét ở quý IV.2022. Sản xuất công nghiệp quý IV.2022 ước đạt 3.6% YoY. Tính chung cả năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7.69% YoY (quý I tăng 7.16%; quý II tăng 9.51%; quý III tăng 11.06%; quý IV tăng 3.6%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8.10% YoY. Tốc độ tăng trưởng chậm lại do nhu cầu tiêu dùng toàn cầu suy yếu dưới ảnh hưởng của CSTT thắt chặt. Ảnh hưởng này thể hiện khá rõ lên tốc độ tăng trưởng XNK suy yếu vào nửa cuối 2022.

PMI trung bình cả năm 2022 đạt 51.7 điểm. Tháng 12 cũng là tháng thứ 2 liên tiếp PMI ở dưới mức 50 điểm, cho thấy mức độ suy giảm ngành sản xuất tăng lên vào cuối năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ hiện trạng cầu trong nước và các khu vực xuất khẩu suy giảm khi CSTT thắt chặt khiến nền kinh tế tăng trưởng chậm lại. Số lượng đơn đặt hàng mới giảm, kéo theo sản lượng và việc làm cũng giảm theo. Ở chiều ngược lại, dù chi phí sản xuất vẫn trong đà tăng nhưng mức tăng tương đối nhẹ, tạo điều kiện cho các công ty giảm giá hàng bán tháng thứ hai liên tiếp để kích thích nhu cầu khách hàng.

Tiêu chí/năm	2018	2019	2020	2021	2022
GDP YoY (%)	7,08	7,02	2,91	2,58	8,02
Lạm phát YoY (%)	2,98	5,3	0,2	1,81	4,55
Xuất khẩu (tỷ USD)	243,5	263,45	281,5	336,25	371,5
Nhập khẩu (tỷ USD)	236,7	253,51	262,4	332,25	360,3
Cán cân thương mại (tỷ USD)	6,8	9,9	19,1	4,0	11,2

Tiêu chí/năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tỷ giá (VND/USD)	23.355	23.229	23.229	22.920	23.480
Nợ công/GDP (%)	58,4	57,4	56,8	43,7	
Nợ Chính phủ/GDP (%)	50	49,9	50,8	39,5	
Giải ngân vốn ngân sách	324.906	342.948	466.597	423.647	511.562
Tăng trưởng tín dụng (%)	14	13	12	13	13
FDI đăng ký (tỷ USD)	25.57	22.5	21.1	24.3	22.5
FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20	19.9	22.4

Các chỉ báo vĩ mô qua các năm và dự báo cho năm 2023

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, vận tải biển và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b) Lạm phát

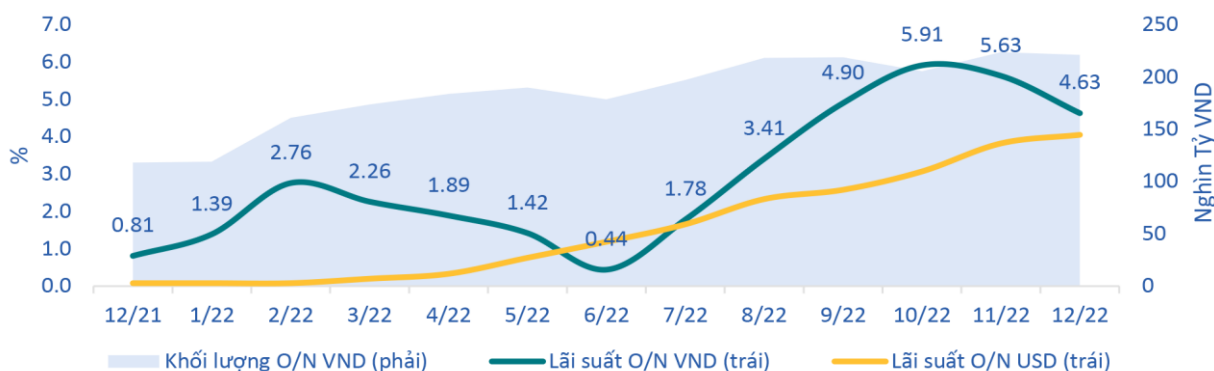
CPI năm 2022 tăng 4.55% YoY vào tháng 12.2022, khiến mức CPI trung bình cả năm 2022 đạt mức 3.15%. CPI duy trì ở mức thấp (+1.76% YoY) khi quý IV.2021 nền kinh tế mới mở cửa trở lại và các hoạt động kinh doanh đang trong giai đoạn hồi phục. Xu hướng hồi phục kéo dài sang quý II (+2.78% YoY) và tăng đột biến trong quý III. Mức tăng đột biến trong quý III (+3.32% YoY) đến từ hai yếu tố chính: (1) Mức nền thấp của quý III.2021 do đóng cửa kinh tế; (2) Cấu phần tiêu dùng hồi phục mạnh trở lại kéo theo giá cả của hầu hết các nhóm hàng hóa và dịch vụ gia tăng mạnh. Xu hướng tăng mạnh của giá cả hàng hóa càng thể hiện rõ hơn trong quý IV (+4.41% YoY) với mức lạm phát tăng mạnh vào cuối năm ở gần như tất cả các nhóm ngành. Chỉ có nhóm giao thông và bưu chính viễn thông có dấu hiệu suy giảm do giá xăng, dầu được điều chỉnh giảm 16 lần (Ron A95 giảm -11.12% YTD, E5 giảm -11.4% YTD) nhằm kiềm chế lạm phát và kích thích tăng trưởng kinh tế.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng và vận tải biển như HAH, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

c) Ngân hàng - Lãi suất

Trong năm qua, NHNN đã tăng lãi suất 2 lần trong tháng 9 và tháng 10 trước áp lực từ đồng USD tăng mạnh, lãi suất FED tăng cao và lạm phát toàn phần gia tăng. Lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2.5% lên 4.5% và lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4% lên 6%. Đồng thời, Nghị định 65/2022 thắt chặt thị trường TPDN (chủ yếu là nhóm BĐS) cũng gây áp lực mạnh lên vốn đầu tư dài hạn. Từ đó, tổng phương tiện thanh toán có mức tăng chậm nhất trong lịch sử và chỉ đạt 3.85%. Mức chênh lệch giữa tổng phương tiện thanh toán cho thấy tình trạng thiếu vốn của các doanh nghiệp. Lượng giao dịch liên ngân hàng tăng mạnh trong năm 2022 bất chấp đà tăng của lãi suất cho thấy sức ép căng thẳng lên hệ thống liên ngân hàng. Tuy nhiên, áp lực đã suy giảm vào cuối năm nhờ tỷ giá đã bình ổn trở lại và Bộ tài chính cũng đưa ra một số kiến nghị liên quan đến giảm mức độ thắt chặt của ND 65/2022.

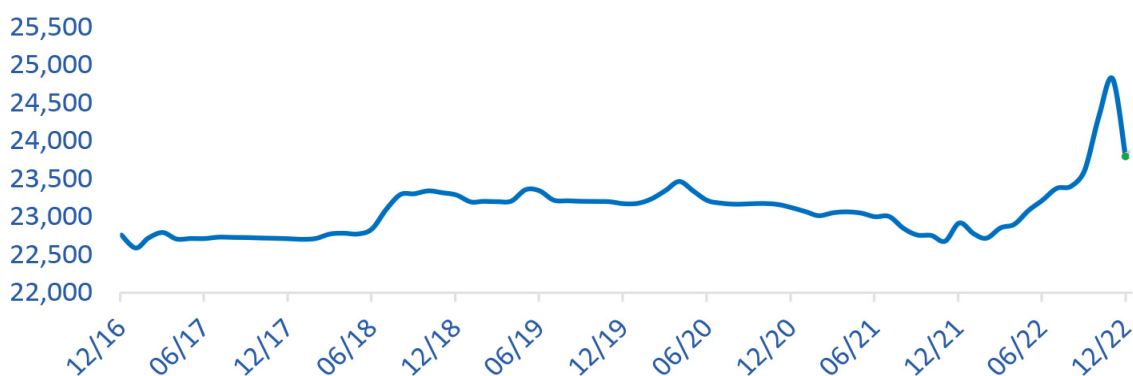
Với tình trạng lạm phát Việt Nam đang trên đà tăng mạnh và FED có thể tăng lãi suất thêm +0.75% theo kế hoạch hiện hành của họ (Phụ lục 08), NHNN có thể sẽ tăng lãi suất thêm 0.5-1.0%. Hiện tượng này cũng sẽ trực tiếp tác động đến lượng tiền chảy vào nền kinh tế Việt Nam.



Giao dịch liên ngân hàng qua đêm

d) Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá USD/VND tăng mạnh vào nửa cuối năm 2022 khi FED gia tăng tốc độ thắt chặt chính sách tiền tệ. Tính đến ngày 30/12, tỷ giá liên ngân hàng USD/VND đạt 23,633 (+3.4% YTD). Tỷ giá USD/VND tăng mạnh do: (1) Chênh lệch lãi suất giữa USD và VND thu hẹp tạo áp lực mạnh lên thị giá VND; (2) Dự trữ ngoại hối suy giảm trong giai đoạn căng thẳng vào quý II và quý III chủ yếu do dòng vốn ngoại rút khỏi nền kinh tế Việt Nam trước áp lực gia tăng của đồng USD trên toàn cầu.



Diễn biến tỷ giá USD/VND

So sánh với các quốc gia khác, tỷ giá USD/VND vẫn khá bình ổn và thấp hơn mức trung bình của các quốc gia này. Kết quả này cho thấy sức ổn định của tỷ giá VND và làm suy giảm nỗi lo lắng về việc rút dòng vốn nóng USD khỏi nền kinh tế Việt Nam.

Tỷ giá	2017	2018	2019	2020	2021	YTD
CNYUSD	6,73%	1,05%	-0,65%	6,24%	9,35%	-7,85%
EURUSD	14,15%	8,81%	6,28%	15,94%	8,11%	-5,85%
KRWUSD	13,22%	8,14%	4,19%	9,81%	1,61%	-5,67%
JPYUSD	3,83%	6,11%	6,89%	13,13%	1,64%	-12,20%
SGDUSD	8,41%	6,02%	7,11%	8,92%	7,39%	0,67%
IDRUSD	-0,70%	-7,07%	-3,26%	-5,25%	-5,32%	-8,51%
THBUSD	10,05%	10,02%	18,83%	19,37%	7,92%	-4,12%
MYRUSD	10,45%	8,03%	8,70%	10,45%	7,76%	-5,45%
PHPUSD	-0,75%	-5,53%	-2,36%	3,23%	-2,74%	-8,51%
VNDUSD	0,27%	-1,81%	-1,74%	-1,56%	-0,24%	-3,41%
Trung bình	6,6%	3,4%	4,4%	8,0%	3,5%	-7,2%
Hạng VND	8	8	8	9	8	2
Dự trữ (tỷ USD)	49	55	79	95	109	85,7

Diễn biến tỷ giá VND so với các đồng tiền khác

Tuy nhiên do đặc thù của công ty, nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước mà không phải nhập khẩu nên tác động của biến động tỷ giá lên nguồn nguyên liệu đầu vào là không có. Mặc dù vậy, Công ty hiện đang vay ngoại tệ để đầu tư mua sắm tài sản cố định.

6.2 Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chông chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào

trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

6.3 Rủi ro đặc thù ngành

a) Rủi ro ngành

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ...

Năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 371.9 tỷ USD, tăng 10.6%; nhập khẩu hàng hóa đạt 360.7 tỷ USD, tăng 8.4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11.2 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu duy trì mức tăng tốt trong quý I nhưng đã giảm tốc dần theo thời gian từ quý II đến quý IV. Nguyên nhân của hiện tượng này là do FED tăng tốc thắt chặt chính sách tiền tệ và tạo nên xu hướng tăng lãi suất của các NHTW trên thế giới. Mức độ thắt chặt như vậy đã tác động vào nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế và từ đó khiến số lượng đơn đặt hàng hóa xuất khẩu Việt Nam suy yếu. Đồng thời, việc Trung Quốc hạn chế giao dịch thương mại xuất nhập khẩu dưới chính sách Zero-COVID cũng khiến số lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bị suy giảm.

Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của chính sách biên mậu với Trung Quốc, là thị trường xuất nhập khẩu chủ chốt của Việt Nam. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ Trung Quốc trong mỗi giai đoạn ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b) Rủi ro giá nhiên liệu

Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c) Rủi ro cạnh tranh

Ngày 14/04/2013, dự án xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Lạch Huyện chính thức được khởi công xây dựng. Đây là dự án nằm trong danh mục các dự án kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, thiết yếu giai đoạn đến năm 2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 11/4/2007. Với mục tiêu phát triển cảng Hải Phòng tại khu bến Lạch Huyện để có thể tiếp nhận cỡ tàu tới 100.000 DWT (tàu

container 8.000 TEU), dự án dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 05 năm 2018. Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác sẽ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Hải An nói riêng.

Ngoài ra Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm 20% giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng.

Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Hải An trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động chuẩn bị kế hoạch đầu tư tàu container và tổ chức tuyến vận tải container nội địa từ cuối năm 2013 nhằm đảm bảo công việc cho cảng Hải An. Với việc phát triển tuyến vận chuyển container nội địa và hợp tác với các hãng vận tải container nước ngoài duy trì các tuyến vận chuyển container ngắn (Feeder) nhằm đảm bảo “đầu vào” cho cảng, chắc chắn hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ được đảm bảo. Bên cạnh việc duy trì và phát triển dịch vụ vận tải container Công ty đã thành lập liên doanh với đối tác Hàn Quốc để đầu tư xây dựng và kinh doanh một Depot tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ nhằm cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu kho hàng hóa, thu gom và phân phối hàng lẻ, bảo dưỡng sửa chữa container... nhằm khép kín qui trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh. Trong năm 2022 và các năm sau Công ty sẽ tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi tại Vũng Tàu, nhờ vậy kể từ năm 2020, Công ty có thể hoàn chỉnh chuỗi Logistics của mình bao gồm Vận tải container, Khai thác cảng container và Cung cấp dịch vụ thu gom (Consolidation), phân phối (Distribution) và thông quan (Custom Clearance) cho hàng hóa vận chuyển bằng container tại hai khu vực chính của đất nước là Hải Phòng - Hà Nội và Vũng Tàu - Hồ Chí Minh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về hoạt động cảng biển

Đơn vị: TEU

	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ
Tổng sản lượng khai thác cảng	411.000	417.278	101,53%
- Bốc xếp hàng xuất nhập khẩu	117.000	130.790	111,79%
- Bốc xếp hàng nội địa	294.000	286.488	97,44%

Hoạt động khai thác cảng có dấu hiệu giảm từ quý III. Sản lượng hàng hóa giảm do ảnh hưởng suy thoái từ Châu Âu và Mỹ, từ tháng 9 đơn hàng mới các ngành hàng xuất khẩu

tăng chậm, các nhà máy bắt đầu thu hẹp sản xuất. Tuy vậy, tổng sản lượng container thông qua khu vực cảng Hải Phòng vẫn đạt khoảng 6,1 triệu TEU, tăng 9% so với năm trước. Trong đó sản lượng hàng hóa thông qua tàu nội địa đạt xấp xỉ 1,1 triệu TEU, tương đương năm 2021.

Năm 2022, Cảng đã khai thác 262 chuyến tàu với tổng sản lượng đạt 417.000 teus. Đảm bảo khai thác an toàn cho các chuyến tàu, phối hợp với cảng MPC đưa các chuyến tàu trùng lịch sang khai thác để nâng cao sản lượng Off-dock CY cho Panhaian. Cùng với đó, để giảm thiểu chi phí cho việc chuyển tàu, Cảng đã phối hợp với Haiian Lines và Panhaian tăng cường hạ hàng xuất cũng như kéo hàng nhập shipside trực tiếp từ cảng thay vì chuyển tàu đi cảng khác. Trong năm 2022, Cảng chuyển 13 chuyến tàu tương đương 22.342 TEU khai thác tại cảng MPC, sản lượng hàng Off-dock CY chuyển về Panhaian là 11.693 TEU từ cảng MPC và 47.464 TEU từ Cảng Hải An (tổng cộng 59.157 TEU, bao gồm cả hàng xuất và nhập).

Sau 12 năm khai thác mặt bãi Cảng Hải An đã xuống cấp trầm trọng, được sự đồng thuận từ ĐHQĐ và HĐQT, từ tháng 9/2022, Công ty đã tiến hành sửa chữa, nâng cấp, cải tạo lại toàn bộ bãi Cảng, dự kiến cuối tháng 4/2023 sẽ hoàn thiện toàn bộ dự án. Khi đưa vào sử dụng sẽ nâng cao chất lượng phục vụ Khách hàng tại Cảng Hải An và nâng sản lượng xếp bãi từ 7.000 teus lên 10.000 teus (xếp cao 4). Với mặt bãi đẹp, hệ thống thoát nước, ánh sáng tốt sẽ giúp cho hàng hóa lưu trữ tại Cảng được an toàn trong mùa mưa bão và giảm thiểu va chạm đối với container/hàng hóa trên bãi.

1.2. Về hoạt động vận tải

	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ
<i>Tổng sản lượng khai thác tàu</i>	<i>395.000</i>	<i>391.761</i>	<i>99,18%</i>

Xung đột quân sự Nga – Ukraine xảy ra cùng với đó là các lệnh cấm vận kinh tế đối với Nga đã khiến giá năng lượng (trong đó có giá dầu) tăng vọt, làm trầm trọng thêm tình trạng lạm phát tại các nước lớn trên thế giới. Nhu cầu tiêu dùng giảm đáng kể dẫn tới nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh. Giá dầu liên tục tăng từ đầu năm, giá dầu FO bình quân năm 2022 là 802USD/MT tăng 54% so với giá dầu bình quân năm 2021 (lúc đỉnh điểm đã lên tới 1.190USD/MT vào trung tuần tháng 6/2022).

Diễn biến của thị trường thuê tàu và vận tải container quốc tế: nửa đầu năm 2022, thị trường thuê tàu và vận tải container tiếp tục đà tăng giá thuê tàu và cước vận tải từ cuối năm 2021. Bước sang tháng 7/2022 đà tăng giá chững lại và có dấu hiệu giảm giá vào cuối tháng 7, tốc độ giảm giá rất nhanh vào tháng 8,9 và tạo đáy vào tháng 10, mùa cao điểm truyền thống trong quý III, quý IV không xảy ra như thường lệ. Thị trường vận tải container nội địa cũng có diễn biến tương tự như thị trường vận tải container quốc tế.

Về hoạt động vận tải biển của Công ty, trong năm 2022, đã bố trí tàu lên đà sửa chữa cho tàu Anbien Bay tại Nosco, Việt Nam vào tháng 5/2022; tàu Haiian City tại Singapore vào tháng 7-9/2022; tàu Haiian West tại Quảng Châu, TQ vào tháng 10/2022 và tàu Haiian Mind tại Batam, Indonesia vào tháng 12/2022.

Đã tổ chức nhận Anbien Bay, Haiian Rose tại TP. Hồ Chí Minh và nhận Haiian City tại Singapore an toàn, sau đó đưa vào khai thác.

Ngày 14/04/2022, tàu Haiian City đang trên luồng Chittagong đi Singapore thì đâm va với tàu Orient Express. Đến thời điểm hiện tại các bên vẫn đang xử lý khắc phục sự cố. Công ty ước tính giá trị tổn thất phát sinh từ việc khắc phục sự cố này khoảng 200 tỷ VND.

Công tác Khai thác tàu đã triển khai mở rộng cảng ghé trên tuyến HPH - HKG trong năm 2022 như ghé thêm NSA (từ T3/2022), thêm QZH (từ T6/2022) làm tăng hiệu quả khai thác tàu và triển khai thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Công ty mẹ trong việc đưa tàu khai thác tại Cảng Mây, Huế (từ trung tuần T12/2022)

Trong năm 2022 HACT đã tiếp tục đặt và nhận thêm cont thuê mua vào dịp vào đầu năm với số lượng: 400x20DC & 700x40HC ~ 1800 Teus.

1.3. Các dịch vụ khác

- HAAL tiếp tục thực hiện công việc đại lý cho Haiian Lines, vận chuyển hàng door-to-door, dịch vụ hàng LCL, dịch vụ kho CFS... Tổng doanh thu HAAL năm 2022 đạt 178,5 tỷ đồng, LNTT đạt gần 12,8 tỷ đồng (chưa bao gồm BCC và các khoản góp vốn khác).
- HAGS hoạt động chính trong lĩnh vực vận tải hàng hóa đường bộ và cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho các công ty trong nhóm như: vệ sinh container, bốc xếp tại cầu cảng, kho bãi... Năm 2021, tổng doanh thu và LNTT của HAGS lần lượt đạt 33 tỷ đồng và 358 triệu đồng.
- HAFC với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác hàng door / door trên tuyến nội địa. Năm 2022, tổng doanh thu đạt 403,7 tỷ đồng, LNTT đạt 50,1 tỷ đồng.
- Đối với Pan Hải An: hiện nay Công ty đang khai thác bãi Depot với diện tích 9.500m² và 2 kho CFS, ngoại quan với tổng diện tích 20.000m². Năm 2022, tổng doanh thu đạt 176 tỷ đồng, LNTT đạt 23,6 tỷ đồng.

2. Tổ chức nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	
2	Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
3	Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
4	Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/6/2022

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
5	Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
6	Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	

2.2 Sơ yếu lí lịch Ban Điều hành

- Ông Vũ Thanh Hải

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973
Nơi sinh: Thái Bình
CMND: 024100797, nơi cấp: Công An Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 68 Bis Huỳnh Mẫn Đạt, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại công ty: 024 39876556
Số điện thoại di động: 0913239196
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1995 - 2001: Cán bộ thị trường, Đại diện trường Chi nhánh Singapore Công ty LD Gemartrans
- 3/2001 - 4/2002: Phó phòng Khai thác – Ban Quản lý tàu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
- 5/2002 - 2009: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức
- 2009 - 09/2014: Chủ tịch HĐTV kiêm Giám đốc Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐTV kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd.
- 10/2014 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức; Ủy viên HĐTV kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty liên doanh “K” Line Logistics (Việt Nam) Ltd;
- Tháng 11/2013 - nay: ủy viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Ngày 16/10/2014 - nay: được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Ngày 13/11/2015 - 5/10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An, thành viên HĐTV Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Ngày 5/10/2017 - nay: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Tháng 10/2017 - nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Pan Hải An

- Tháng 10/2017 - 7/2018: Tổng giám đốc Công ty TNHH Pan Hải An

- Tháng 8/2018 - nay: Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu: 161.950 cổ phần, chiếm 0,237% vốn điều lệ

- **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/11/1974

Nơi sinh: Hà Nam

CMND 031782761 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 6 năm 2009

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 153C Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Số điện thoại công ty: 024.39876556

Số điện thoại di động 0912569414

Địa chỉ email: Tuan.nn@haiants.vn

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển

Cử nhân Kinh tế đối ngoại

Quá trình công tác:

- Từ đầu năm 1999 đến năm 2004: thuyền viên thuộc Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế.

- Từ năm 2004 đến năm 2008: Trưởng phòng Khai thác thuộc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty CP Hàng Hải Hà Nội

- Từ năm 2009 đến hết năm 2010: Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức

- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2012: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

- Từ tháng 02/2012 đến tháng 02/2013: Giám đốc CTCP dịch vụ hàng hải Hải Âu

- Từ tháng 03/2013 đến tháng 01/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

- Từ tháng 02/2015 đến tháng 10/2017: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An

- Từ tháng 10/2015 đến tháng 10/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An

- Từ 10/1/2017 đến nay: thành viên HĐQT CTCP dịch vụ tổng hợp Hải An

- Từ tháng 10/2017 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An

- Từ tháng 10/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

- Từ tháng 4/2019 đến nay: thành viên HĐQT CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu 55.175 cổ phần chiếm 0,0808% vốn điều lệ

- **Ông Vũ Doãn Hạnh**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 25/6/1975
Nơi sinh: Thái Bình
CMND: 022944525, Ngày cấp: 05/09/2012, Nơi cấp: CA TP. HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, Q1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại công ty: 024.39876556
Số điện thoại di động: 0903942007
Địa chỉ email: Mike@haiants.vn
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Năm 1997: Nhân viên thị trường - Công ty Gemartrans Việt Nam
- Năm 2001 - 2004: Lines Manager - Công ty Gemartrans Việt Nam (Hãng tàu Delmas)
- Năm 2004-2009: Giám đốc Công ty CP XD Hải Đăng
- Năm 2010-2012: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Marina Logistics tại Hồ Chí Minh
- Năm 2012 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty Marina Logistics tại Hồ Chí Minh
- Năm 2019 đến tháng 9/2021: Phó giám đốc Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Năm 2019 đến tháng 9/2021: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu 33.510 cổ phần chiếm 0,0491% vốn điều lệ

- **Ông Trần Tiến Dũng**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 28/11/1975
Nơi sinh: Hải Phòng
CCCD số: 022075001353, Ngày cấp: 12/08/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 219B Lạch Tray, Đồng Quốc Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 024.39876556
Số điện thoại di động: 0983.285042
Địa chỉ email: Dung.tt@haiants.vn

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
Cử nhân tiếng Anh

Quá trình công tác:

- Năm 1997-1998: Nhân viên thị trường - Phòng đại lý NOL - Công ty vận tải và thuê tàu Vietfracht
- Năm 1998 - 2002: Nhân viên thị trường - Xí nghiệp đại lý APL - Chi nhánh Hải Phòng
- Năm 2003 - 2005: Phụ trách Khai thác Hăng tàu APL tại Hải phòng - Công ty liên doanh APL Việt nam - Chi nhánh miền Bắc
- Năm 2005 - 2006: Phụ trách Hăng logistics APL tại Hải phòng - Công ty liên doanh APL Việt nam - Chi nhánh miền Bắc
- Năm 2006 - 2014: Giám đốc Công ty cổ phần giải pháp tiếp vận DKP
- Năm 2006 - 2020: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần giải pháp tiếp vận DKP
- Năm 2013 - 2015: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ
- Năm 2017 - 2020: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần quản lý khai thác kho lạnh DKP
- Năm 2020 - 2021: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần container Việt Nam (VSC)
- Năm 2021: Giám đốc khai thác Công ty cổ phần container Việt Nam (VSC)
- Năm 2021: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ và phát triển xanh (GIC)
- Từ năm 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Quĩ TM Holding (Tên cũ: Công ty cổ phần Sao Á)
- Từ năm 2011 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C
- Từ năm 2011 đến nay: Phó chủ tịch, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp quận Hải an, thành phố Hải phòng
- Từ năm 2016 đến nay: Đại biểu HĐND - Quận Hải An - thành phố Hải phòng
- Từ năm 2016 đến nay: Phó chủ tịch Hiệp hội vận tải hàng hóa Hải phòng
- Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An

- **Ông Phạm Quang Khánh**

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 02/04/1981
Nơi sinh: Hải Phòng
CCCD số: 031081006321, Ngày cấp: 05/12/2017, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Lô 3 số 17/246B Đà Nẵng, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 024.39876556
Số điện thoại di động: 0919042185

Địa chỉ email: Khanh.pq@haiants.vn
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ
Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ tháng 08/2005 - 2007: Kỹ sư phòng Sản xuất - Công ty TNHH CN nặng và XD Hàn -Việt (HANVICO)
 - Năm 2007 - 2009: Phó phòng Sản xuất - Công ty TNHH CN nặng và XD Hàn -Việt (HANVICO)
 - Từ tháng 09/2010 - 12/2010: Nhân viên phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An
 - Từ tháng 01/2011 - 03/2011: Trưởng bộ phận Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An
 - Từ tháng 04/2011 - 07/2012: Trưởng phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An
 - Từ tháng 08/2012 - 01/2015: Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hải (HAS)
 - Từ tháng 02/2015 - 12/2017: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Khai thác tàu - Công ty TNHH Cảng Hải An
 - Từ tháng 01/2018 - 08/2018: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
 - Từ tháng 09/2018 - 12/2018: Quyền Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
 - Từ tháng 01/2019 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Cảng Hải An
 - Từ tháng 9/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP vận tải và xếp dỡ Hải An
- Cá nhân sở hữu 34.500 cổ phần chiếm 0,0505% vốn điều lệ

- **Bà Trần Thị Thanh Hảo**

Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 07/02/1988
Nơi sinh: Hải Phòng
CMND 031188001939 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/5/2016
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 8/96 Hợp Hòa, Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng
Số điện thoại công ty: 024.39876556
Số điện thoại di động: 0936995184
Địa chỉ email: hao.tt@haiants.vn
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị tài chính kế toán
Quá trình công tác:

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2010: Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An tại TP. Hải Phòng
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 01/2015: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 02/2015 đến tháng 9/2017: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty TNHH Cảng Hải An
- Từ tháng 10/2017 đến tháng 5/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
- Từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019: Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
- Từ tháng 8/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vận tải Container Hải An
- Từ tháng 12/2019 đến nay: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An
- Từ tháng 6/2021 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Cá nhân sở hữu: 34.500 cổ phiếu tương đương 0,0505 vốn điều lệ

2.3 Số lượng cán bộ và chính sách người lao động

- **Cơ cấu và số lượng cán bộ, nhân viên (bao gồm các công ty thành viên)**

Chỉ tiêu	Số lượng lao động
Tổng số lao động	569
Phân theo giới tính	
- Nam	415
- Nữ	154
Phân theo trình độ học vấn	
- Trình độ đại học trở lên	283
- Trình độ cao đẳng chuyên nghiệp	67
- Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	123
- Lao động phổ thông	96
Phân theo phân công lao động	
- Viên chức quản lý chuyên trách	76
- Viên chức quản lý không chuyên trách	66
- Lao động trực tiếp	427

- **Chính sách đối với người lao động**

Công ty luôn thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với người lao động đã được quy định trong thỏa ước lao động và hợp đồng lao động. Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động, được đảm bảo về việc làm, được trả lương theo năng lực và thỏa thuận hợp đồng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- Tháng 2/2022, Công ty đầu tư tàu container ANBIEN BAY. Tàu có tên cũ là PUTNAM, số IMO: 9444950 được đóng năm 2008 tại Nhật Bản, tàu có chiều dài 171,99 m, rộng 27,6 m, mớn nước 10,7 m, tàu có tải trọng 25.800 DWT tương đương với sức chứa 1.794 TEU trong đó 1.054 TEU trên boong và 740 TEU dưới hầm tàu, tàu có 319 phích cắm lạnh và vận tốc tối đa đạt 20,1 hải lý/ giờ. Sau khi được tiếp nhận thành công, tàu được đưa vào khai thác tuyến Bắc - Nam.
- Tháng 3/2022, Công ty tiếp tục đầu tư tàu container tiếp theo mang tên HAIAN CITY. Tàu có số IMO: 9445007, đóng năm 2008 tại Imabari, Ehime, Nhật Bản của chủ tàu Fresh South Shipping S.A. Tàu có sức chở 1.577 Teu tương đương với 21.440 tấn, chiều dài tối đa 171.99 m, rộng 27.60 m, mớn nước 9.52 m, tốc độ tối đa đạt 19.7 hải lý/ giờ.
- Ngày 11/11/2022, Công ty tiếp nhận thành công tàu container mang tên HAIAN ROSE. Tàu có số IMO 9444962, được đóng mới năm 2008 tại Imabari, Nhật Bản. Tàu có trọng tải toàn phần (DWT) 21.916 tấn, sức chở tối đa (max capacity) 1.708 Teu, chiều dài tối đa 171.99 m, rộng 27.60 m, mớn nước 9.517 m, tốc độ tối đa đạt 19 hải lý/ giờ. Sau khi tiếp nhận thành công tàu HAIAN ROSE, đội tàu của Công ty đã nâng lên 11 chiếc với tổng sức chở gần 16.000 TEU.

4. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài chính
Đơn vị: 1.000.000 VND

TT	Chỉ tiêu <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>	BCTC Công ty mẹ			BCTC Hợp nhất		
		Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.063.159	3.662.567	77,52	3.232.345	5.049.420	56,22
2	Doanh thu thuần	875.439	1.379.299	57,56	1.955.301	3.205.610	63,94
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	389.938	763.929	95,91	641.928	1.299.698	102,47
4	Lợi nhuận khác	(1.999)	(26.247)	-	20.389	(27.282)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	387.938	737.682	90,15	662.317	1.272.416	92,12
6	Lợi nhuận sau thuế	333.729	618.164	85,23	550.615	1.040.793	89,02
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	50%	400%	10%	50%	400%

- Các chỉ tiêu khác: Không có

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,53	1,78	2,07	1,92	
	+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,48	1,76	2,00	1,83	
	2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	0,34	0,48	0,41	0,43	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	0,52	0,91	0,70	0,75	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho (lần) <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	29	35	26	28	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,51	0,48	0,73	0,77	

TT	Các chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất		Ghi chú
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	38,12	44,82	28,16	32,47	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	28,41	37,65	34,01	43,47	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	19,49	21,59	20,67	25,13	
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	44,54	55,39	32,83	40,54	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2022)
5.1 Cổ phần

Số lượng cổ phiếu của Công ty là 70.344.667 cổ phiếu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (70.344.667 cổ phiếu) là cổ phiếu thường.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 70.344.667 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

5.2 Cơ cấu cổ đông (tại ngày 27/12/2022)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước				
1	Tổ chức	17.830.866	25,35%	55
2	Cá nhân	43.098.382	61,27%	12.799
Cổ đông nước ngoài				
3	Tổ chức	8.993.058	12,78%	37
4	Cá nhân	422.361	0,60%	220
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	70.344.667	100%	12.611

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời điểm tăng vốn	Vốn đăng ký và thực góp (VND)	Giá trị tăng vốn thực góp (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
26/4/2022	682.958.170.000	195.130.660.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	- Công văn số 1837/UBCK-QLCB ngày 06/4/2022 về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HAH; - Công văn số 2693/UBCK-QLCB ngày 11/5/2022 về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của HAH;

Thời điểm tăng vốn	Vốn đăng ký và thực góp (VND)	Giá trị tăng vốn thực góp (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 87/2014/GCNCP-VSD-3 ngày 19/5/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. - Quyết định số 339/QĐ-SGDHCM ngày 24/5/2022 v/v thay đổi đăng ký niêm yết của TGD SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
26/10/2022	703.446.670.000	20.488.500.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 6463/UBCK-QLCB ngày 28/9/2022 về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của HAH; - Công văn số 7410/UBCK-QLCB ngày 08/11/2022 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty của HAH; - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 87/2014/GCNCP-VSD-4 ngày 22/11/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. - Quyết định số 916/QĐ-SGDHCM

Thời điểm tăng vốn	Vốn đăng ký và thực góp (VND)	Giá trị tăng vốn thực góp (VND)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
				ngày 29/12/2022 v/v thay đổi đăng ký niêm yết của TGĐ SGD Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

5.4 **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

5.5 **Các chứng khoán khác:** Không có

III. Báo cáo đánh giá của Tổng giám đốc

1. Thực hiện năm 2022

a) **Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2022 của Công ty như sau:**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (5)/(4) (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng sản lượng	TEU	948.000	1.001.317	105,62
	- Khai thác cảng	TEU	411.000	417.278	101,53
	- Khai thác tàu	TEU	395.000	391.761	99,18
	- Sản lượng Depot	TEU	142.000	192.278	135,41
2	Tổng Doanh thu	Triệu VND	2.387.973	3.249.916	136,10
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công ty mẹ	Triệu VND	550.000	821.937	149,44

b) **Các công việc đã đạt được:**

- Đã hoàn thiện hệ thống KPI cho HAP, HACT. Tiếp tục hoàn thiện cho các công ty còn lại trong năm tới.
- Các phần mềm Khai thác Depot, CFS, Shipping (tuyến ngoại) hoạt động tốt.
- Đã xây dựng và hoàn tất các thủ tục để đưa bến phao BP05 vào hoạt động.
- Triển khai sửa chữa nâng cấp bãi Cảng Hải An
- Mở tuyến vận tải container nội Á: HAIPHONG - HONGKONG - NANSHA - HAIPHONG
- Năm 2022 đã thực hiện việc hỗ trợ OFFDOCK CY cho PAN HAI AN với tổng sản lượng 59.157 TEU. PAN HAI AN hoạt động đã có lãi.
- Duy trì hoạt động ổn định của đại lý của SML, đã khôi phục tuyến đi Mỹ.

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thành lập liên doanh ZIM HAIAN.
- Mở tuyến vận chuyển container nội địa tới Cảng Chân Mây (Thừa Thiên – Huế).

2. Kế hoạch năm 2023

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Tổng sản lượng	TEU	874.000
	- Khai thác cảng	TEU	415.000
	- Khai thác tàu	TEU	305.000
	- Sản lượng Depot	TEU	154.000
2	Tổng Doanh thu	Triệu VNĐ	2.698.000
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Triệu VNĐ	300.000

Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

- Hỗ trợ Ban giám đốc thu thập các thông tin Cảng cạnh tranh trong khu vực.
- Hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp thành viên trong HAIAN GROUP.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội để mở tuyến vận tải container tại các khu vực khác trên cả nước.
- Duy trì các mối quan hệ để phát triển việc cho thuê tàu.
- Phát triển Liner services để triển khai sau khi tiếp nhận thêm các tàu đóng mới.
- Tìm kiếm khách hàng để đưa bến phao BP05 vào khai thác.
- Nâng cấp, hoàn thiện bộ máy IT. Phát triển CNTT là một công cụ cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- Tuyển dụng các nhân sự cấp cao nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý.
- Hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan tới tài sản, quyền sử dụng đất của công ty.
- Hoàn thành việc sửa chữa nập cấp bãi Cảng trong QI/2023.
- Tiếp tục các hoạt động hỗ trợ OFFDOCK CY cho PAN HAIAN.
- Đẩy mạnh dịch vụ kho CFS của PAN HAIAN nhằm tăng công suất hoạt động lên 100%.

3. Tình hình tài chính
4.1 Tình hình tài sản

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022
I	Tài sản ngắn hạn	941.664.249.867	1.221.542.508.978	1.287.237.970.137	1.744.506.986.111
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	317.414.227.149	129.438.097.542	484.732.416.770	415.481.021.778
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	74.500.000.000	36.500.000.000	87.372.980.427	140.099.281.797
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	517.020.448.985	932.612.162.951	633.042.082.092	978.676.238.299
4	Hàng tồn kho	18.261.183.355	18.970.109.791	48.419.634.267	78.439.535.424
5	Tài sản ngắn hạn khác	14.468.390.378	104.022.138.694	33.670.856.581	131.810.908.813
II	Tài sản dài hạn	822.171.924.255	2.441.024.148.896	1.945.107.403.834	3.304.912.510.965
1	Các khoản phải thu dài hạn	116.674.000.000	184.443.150.000	74.000.000	112.894.400.000
2	Tài sản cố định	741.795.095.579	1.919.748.606.027	1.535.890.707.186	2.744.063.079.887
3	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
4	Tài sản dở dang dài hạn	6.568.959.439	40.456.597.022	6.568.959.439	45.414.706.626
5	Đầu tư tài chính dài hạn	245.864.236.338	257.930.850.271	147.761.760.195	140.466.192.045
6	Tài sản dài hạn khác	10.592.321.131	38.444.945.576	254.811.977.014	262.074.132.407
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.063.158.862.354	3.662.566.657.874	3.232.345.373.971	5049419497076

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phụ trợ vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8
Tài sản cố định khác	4-10

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.
- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.2 Tình hình nợ phải trả

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022
I	Nợ ngắn hạn	372.222.533.809	684.772.559.436	620.603.862.899	910.335.413.837
1	Phải trả người bán ngắn hạn	21.813.175.671	50.061.510.297	78.861.911.406	148.426.643.717
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	763.856.819	1.358.601.123
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.703.846.574	114.080.175.829	53.140.818.010	117.649.089.139
4	Phải trả người lao động	7.276.971.011	6.063.255.147	28.715.046.180	39.028.845.672
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.342.230.621	7.103.819.080	28.861.733.938	34.213.271.504
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15.181.295.259	8.141.925.000	15.181.295.259	12.487.777.112
9	Phải trả ngắn hạn khác	160.538.055.722	275.493.297.994	142.815.441.175	169.312.336.585
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	110.680.547.304	172.920.747.522	233.809.277.118	317.706.778.434
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	2.648.342.710	2.648.342.710
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31.686.411.647	50.904.970.647	35.806.140.284	67.503.727.841
13	Quỹ bình ổn giá	-	-	-	-

	Chỉ tiêu	BCTC Công ty Mẹ		BCTC Hợp nhất	
		31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
II	Nợ dài hạn	329.800.718.509	1.055.598.908.353	709.711.548.655	1.252.163.377.785
1	Phải trả dài hạn khác	191.000.000.000	484.000.000.000	151.000.000.000	247.740.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	138.800.718.509	571.598.908.353	558.711.548.655	1.004.423.377.785
	NỢ PHẢI TRẢ	702.023.252.318	1.740.371.467.789	1.330.315.411.554	2.162.498.791.622

Đối với các khoản nợ đến hạn, Công ty duy trì thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

IV. Thông tin quản trị công ty
1. Hội đồng Quản trị
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ô. Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HDQT	1.192.302	1,746	
2	Ô. Vũ Thanh Hải	TVHDQT, kiêm TGD	11.012.834	15,66	
3	Ô. Nguyễn Ngọc Tuấn	TVHDQT kiêm PTGD	55.175	0,0808	
4	Ô. Trần Quang Tiến	TVHDQT	880.200	1,251	
5	B. Trần Thị Hải Yến	TVHDQT	19.505	0,0286	
6	B. Nguyễn Thị Vân	TVHDQT	37.800	0,0553	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có
1.3 Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	0202-2022/NQ-HDQT	10/02/2022	- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2	0403-2022/NQ-HDQT	24/3/2022	- Thông qua triển khai phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.
3	0205-2022/NQ-HDQT	12/5/2022	- Sửa đổi điều lệ do thay đổi về vốn điều lệ.
4	0206-2022/NQ-HDQT	10/6/2022	- Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Trần Tiến Dũng.
5	0406-2022/NQ-HDQT	27/6/2022	- Thông qua KQSXKD ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022. - Phê duyệt dự án đầu tư mua tàu A Roku.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Phê duyệt đầu tư nâng cấp mặt bãi cảng Hải An, hệ thống thoát nước và các công trình phụ trợ khác.
6	0606-2022/NQ- HĐQT	27/6/2022	- Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP).
7	0208-2022/NQ- HĐQT	03/8/2022	- Chấp thuận việc Công ty TNHH Cảng Hải An nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 10% vốn điều lệ (theo giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2021) tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.
8	0308-2022/QĐ- HĐQT	10/8/2022	- Cử ông Vũ Thanh Hải là người đại diện toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH Cảng Hải An tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.
9	0209-2022/NQ- HĐQT	15/9/2022	- Thông qua thay thế Biên bản họp HĐQT số 0506-2022/BB-HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 0606-2022/NQ-HĐQT ngày 27/6/2022 của Công ty v/v triển khai phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/3/2022.
10	0409-2022/NQ- HĐQT	23/9/2022	- Thống nhất thay thế dự án đầu tư mua tàu A Roku bằng dự án đầu tư mua tàu A Kibo.
11	0210-2022/NQ- HĐQT	24/10/2022	- Thông qua kết quả đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu, tính đến hết ngày 21/10/2022, trong đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP. - Thông qua phương án phân phối số cổ phiếu còn lại chưa chào bán hết.
12	0410-2022/NQ- HĐQT	28/10/2022	- Thông qua báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP.
13	0111-2022/NQ- HĐQT	08/11/2022	- Thông qua nội dung sửa đổi mục 1 điều 7 của Điều lệ Công ty.
14	0212-2022/NQ- HĐQT	09/12/2022	- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
15	0312-2022/NQ- HĐQT	09/12/2022	- Phê duyệt (i) thế chấp toàn bộ tài sản hiện có của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để tài trợ toàn bộ nghĩa vụ của Công ty; (ii) Chi sử dụng dịch vụ duy nhất tại Ngân hàng và toàn bộ dòng tiền hoạt động của Công ty sẽ được chuyển qua và duy trì trên tài khoản thanh toán duy nhất tại Ngân hàng.
16	0412-2022/NQ- HĐQT	09/12/2022	- Đồng ý cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An nhận chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C tại Công ty cổ phần vận tải biển An Biên, vốn góp Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) tàu Hai An City, Anbien Bay của Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C và Công ty TNHH Quỹ TM Holding.
17	0512-2022/NQ- HĐQT	09/12/2022	- Thông qua chủ trương tổ chức thực hiện và nghiên cứu, xây dựng phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi để trình ĐHCĐ phê duyệt.

2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	B. Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	40.615	0,0595	
4	B. Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên	20.500	0,03	
5	Ô. Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên	20.000	0,029	

- Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ xem xét chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty tại thời điểm. Đại diện Ban kiểm soát được HĐQT mời tham gia phiên họp làm việc về các định hướng phát triển của Công ty. Ban kiểm soát cũng

thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát: (Giá trị trước thuế TNCN)

STT	Nội dung	Thù lao	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Vũ Ngọc Sơn	120.000.000	
2	Vũ Thanh Hải	120.000.000	
3	Trần Quang Tiến	120.000.000	
4	Nguyễn Ngọc Tuấn	120.000.000	
5	Nguyễn Thị Vân	120.000.000	
6	Trần Thị Hải Yến	120.000.000	
II	Ban Kiểm soát		
1	Nguyễn Thị Thanh Tú	60.000.000	
2	Trần Thị Thơm	60.000.000	
3	Nguyễn Xuân Lộc	60.000.000	

3.2 Giao dịch của cổ đông lớn/cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty cổ phần Cánh đồng xanh	Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT là chủ tịch HĐQT	500.000	1,025	0	0	- Giảm đầu tư
2	Bà Vũ Thị Ngọc Ánh	Bà Vũ Thị Ngọc Ánh là vợ ông Trần Quang Tiến - thành viên HĐQT	500.000	1,025	0	0	- Giảm đầu tư
3	CTCP đầu tư và vận tải Hải Hà	Ông Vũ Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT là chủ tịch HĐQT	7.794.500	11,08	8.440.000	11,998	- Tăng đầu tư
4	Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.137.502	1,6656	1.192.302	1,746	- Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)
5	Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm TGD	3.150	0,0046	161.950	0,237	- Tăng đầu tư - Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
6	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	19.675	0,0288	55.175	0,0808	- Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
7	Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT	700.700	1,026	880.200	1,251	- Tăng đầu tư

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
							- Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
8	Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	6.300	0,0092	37.800	0,0553	- Mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
9	Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	1.005	0,0015	19.505	0,0286	- nt
10	Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban kiểm soát	20.615	0,032	40.615	0,0595	- nt
11	Bà Trần Thị Thơm	Kiểm soát viên	500	0,0007	20.500	0,03	- nt
12	Ông Nguyễn Xuân Lộc	Kiểm soát viên	-	-	20.000	0,029	- nt
13	Ông Phạm Quang Khánh	PTGD	-	-	34.500	0,0505	- nt
14	Ông Vũ Doãn Hạnh	PTGD	17.010	0,0249	33.510	0,0491	- nt
15	Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	0	0	34.500	0,0505	- nt
16	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Người phụ trách CBTT	0	0	10.000	0,0146	- nt
17	Bà Nguyễn Linh Chi	Bà Nguyễn Linh Chi là vợ ông Vũ Thanh Hải - thành viên HĐQT kiêm TGD	318.150	0,4658	330.650	0,484	- nt
18	Ông Nguyễn Thanh Long	Ông Nguyễn Thanh Long là chồng bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	5.000	0,0073	16.700	0,0245	- nt
19	Ông Trần Đình Trung	Ông Trần Đình Trung là chồng bà Trần Thị Thơm - Kiểm soát viên	-	-	13.000	0,019	- nt

3.3 Các hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan:
a) Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	13.248.641.507	9.180.169.166
Cộng	13.248.641.507	9.180.169.166

b) Giao dịch với các công ty liên kết

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	84.275.269.929	51.448.868.263
Sử dụng dịch vụ đại lý	6.553.429.798	5.157.093.299
Chi trả lợi nhuận BCC	18.293.273.982	3.397.647.176
Công ty liên kết chia lợi nhuận	-	1.875.000.000
Nhận góp vốn BCC	18.660.000.000	9.000.000.000
Chia lãi góp vốn cho cty liên kết	2.900.000.000	2.900.000.000
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên		
Cung cấp dịch vụ cho cty liên kết	30.950.942.032	-
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	32.350.500.000	-
Góp vốn vào Công ty liên kết	85.000.000.000	68.000.000.000
Nhận góp vốn BCC	13.000.000.000	7.000.000.000
Góp vốn BCC vào công ty liên kết	106.410.150.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	185.523.056.537	120.663.037.506
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	13.858.622.135	27.528.140.236

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nhận góp vốn BCC	8.440.000.000	-
Chi trả lợi nhuận BCC	7.430.922.884	1.212.009.250
Công ty liên kết chia lợi nhuận	1.045.800.000	747.000.000
c) Phải thu ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	32.964.369.875	26.197.715.211
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	12.651.230.681
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	2.158.186.705	1.001.582.223
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	9.838.028.122	7.496.643.305
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	-	24.879.600
d) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:		
Công ty phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan là công ty liên kết như sau:		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	7.138.675.566	4.987.778.149
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	57.362.007.192	44.265.277.731
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	313.099.548	175.010.190
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)	5.590.000	194.191.957
Công ty Cổ phần container Việt Nam	4.732.122.583	1.006.897.534
e) Giao dịch của các bên liên quan khác:		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000
Chi phí thuê văn phòng	3.474.358.928	3.258.233.471

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ
này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận vốn góp BCC	27.100.000.000	20.000.000.000
Chia lợi nhuận BCC	33.444.520.992	5.337.853.127
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)		
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	13.520.957.359	7.644.315.675
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
Nhận vốn góp BCC	45.200.000.000	7.000.000.000
HACT chia lợi nhuận	5.200.000.000	5.200.000.000
Chia lợi nhuận BCC	24.595.363.747	4.118.475.525
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	33.526.364.769	49.751.791.752
Nhận chia lãi	-	10.800.000.000
Lãi cho vay	84.821.917	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	342.555.560	268.161.815
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	95.454.554	57.272.725
Chi phí vận chuyển đường bộ	33.080.952.112	12.284.046.628

V. Báo cáo tài chính

Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (Công ty Mẹ và Hợp nhất) có thể tham khảo trên địa chỉ Website: www.haiants.vn (Mục Quan hệ Cổ đông)

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 14 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 được cấp ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, dịch vụ và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Thanh Hải	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2022
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 9 tháng 02 năm 2023

100
CÔNG
CỔ
PHẦN
VẬN
TẢI
VÀ
XẾP
DỠ
HẢI
AN
TRUNG

19915-
CHI NHÁ
CÔNG
TỔNG
KIỂM
TOÁN VÀ
A & C
TẠI HÀ
ĐÀ

Số: 2.0032/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 9 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Phạm Quốc Huy – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 4918-2019-008-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 02 năm 2023

1880
CÔNG TY
HẢI AN
VÀ XẾP
DỠ HẢI AN
NG - TP

002-C.T
NH
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
HỘI
ĐỒNG ĐÁ
TP. HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.221.542.508.978	941.664.249.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	129.438.097.542	317.414.227.149
1. Tiền	111		109.438.097.542	103.463.017.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	213.951.210.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.500.000.000	74.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.500.000.000	74.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		932.612.162.951	517.020.448.985
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	118.697.065.217	95.170.656.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	320.263.457.000	208.231.403.398
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	50.000.000.000	37.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	443.816.474.346	176.783.222.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.970.109.791	18.261.183.355
1. Hàng tồn kho	141	V.8	18.970.109.791	18.261.183.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		104.022.138.694	14.468.390.378
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	6.615.935.965	5.584.776.448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		97.406.202.729	8.883.613.930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.441.024.148.896	1.121.494.612.487
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		184.443.150.000	116.674.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	33.600.000.000	46.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150.843.150.000	70.074.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.919.748.606.027	741.795.095.579
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.917.477.667.260	739.380.162.346
<i>Nguyên giá</i>	222		2.589.926.753.685	1.273.360.549.647
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(672.449.086.425)	(533.980.387.301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.270.938.767	2.414.933.233
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.270.386.469)	(4.126.392.003)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.456.597.022	6.568.959.439
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	40.456.597.022	6.568.959.439
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	257.930.850.271	245.864.236.338
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.186.716.229)	(26.253.330.162)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.444.945.576	10.592.321.131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	38.444.945.576	10.592.321.131
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.662.566.657.874	2.063.158.862.354

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.740.371.467.789	702.023.252.318
I. Nợ ngắn hạn	310		684.772.559.436	372.222.533.809⁹
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	50.061.510.297	21.813.175.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.857.920	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	114.080.175.829	20.703.846.574
4. Phải trả người lao động	314		6.063.255.147	7.276.971.011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.103.819.080	4.342.230.621
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	8.141.925.000	15.181.295.259
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	275.493.297.994	160.538.055.722
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	172.920.747.522	110.680.547.304
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	50.904.970.647	31.686.411.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.055.598.908.353	329.800.718.509
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	484.000.000.000	191.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	571.598.908.353	138.800.718.509
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.922.195.190.085	1.361.135.610.036
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.922.195.190.085	1.361.135.610.036
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		703.446.670.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.446.670.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		352.405.070.809	270.090.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		674.702.801.117	411.577.381.068
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.538.970.068	411.577.381.068
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		618.163.831.049	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.662.566.657.874	2.063.158.862.354

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 9 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.379.299.178.664	875.439.410.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.379.299.178.664	875.439.410.239
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	646.248.304.690	492.192.665.920
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		733.050.873.974	383.246.744.319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	86.287.574.984	49.817.844.515
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.916.327.188	16.976.709.650
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.340.129.100	11.136.637.783
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	31.493.365.309	26.150.128.274
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		763.928.756.461	389.937.750.910
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.350.751.068	314.547.981
12. Chi phí khác	32	VI.7	27.597.528.403	2.313.980.233
13. Lợi nhuận khác	40		(26.246.777.335)	(1.999.432.252)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		737.681.979.126	387.938.318.658
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	119.518.148.077	54.209.154.030
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>618.163.831.049</u>	<u>333.729.164.628</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 9 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	737.681.979.126	387.938.318.658
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 VI.9	125.646.269.741	80.137.168.087
- Các khoản dự phòng	03 VI.4	(12.066.613.933)	5.556.241.389
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	1.699.691.458	(275.781.675)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(78.452.070.062)	(47.347.670.523)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	30.340.129.100	11.136.637.783
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	804.849.385.430	437.144.913.719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(323.488.977.882)	(78.952.762.377)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(708.926.436)	(2.167.324.643)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	454.026.467.999	250.997.547.097
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(28.883.783.962)	(2.990.061.206)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(33.734.417.917)	(14.394.599.498)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(54.438.866.567)	(53.815.267.484)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(9.591.441.000)	(5.684.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	808.029.439.665	530.138.045.608
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.569.774.232.371)	(421.315.392.765)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(186.500.000.000)	(100.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	224.500.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	69.761.013.642	39.092.794.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.462.013.218.729)	(473.968.052.531)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.488.500.000		98.939.520.415	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	708.284.525.841		182.344.641.571	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(213.246.135.779)		(107.492.199.823)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.759.959.300)		(47.284.355.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		466.766.930.762		126.507.606.663	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(187.216.848.302)		182.677.599.740	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	317.414.227.149		135.041.246.938	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(759.281.305)		(304.619.529)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	129.438.097.542		317.414.227.149	

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 9 tháng 02 năm 2023



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Vận tải, bốc xếp hàng hóa cảng biển và các dịch vụ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng cao, trong năm Công ty đưa vào khai thác tàu Hải An City từ ngày 03 tháng 4 năm 2022, đồng thời nhận thêm kết quả kinh doanh của tàu An Biên Bay từ Công ty Cổ phần Vận tải An Biên (Công ty liên kết) theo hợp đồng BCC từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm cũng ảnh hưởng bởi sự cố tàu Hải An City bị tàu Orion Express va chạm tại vùng biển vịnh Bengal vào ngày 14 tháng 4 năm 2022. Đến thời điểm hiện tại các bên vẫn đang xử lý khắc phục sự cố. Công ty ước tính giá trị tổn thất phát sinh từ việc khắc phục sự cố này khoảng 200 tỷ VND.

Bước đầu, để đảm bảo việc khắc phục sự cố, sửa chữa tàu, nhanh chóng đưa tàu vào khai thác, Công ty quyết định phương án như sau:

- Công ty sẽ chi các khoản chi phí phát sinh liên quan đến sự cố từ khi tàu bị va chạm đến khi tàu rời Chitagong (“sửa chữa tạm thời”) và các chi phí phát sinh từ khi tàu rời Chitagong về đến Singapore hoặc Việt Nam để lên đà sửa chữa đến khi hoàn thành việc sửa chữa (“sửa chữa vĩnh viễn”);
- Việc bồi thường tổn thất sẽ do Tổng Công ty Bảo hiểm PVI xem xét, đánh giá dựa trên các điều khoản hợp đồng bảo hiểm với các khoản chi hợp lý, hợp lệ.

Đến thời điểm 30/6/2022, Công ty đã chi các khoản chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu tại Chitagong (“sửa chữa tạm thời”) hơn 53 tỷ VND.

Tính đến ngày 31/12/2022, các khoản chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Công ty đã chi trả khoảng 200 tỷ VND. Công ty ước tính chi phí không được bồi thường khoảng 50 tỷ VND và đã hạch toán vào chi phí trong năm 50 tỷ. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI đã tạm ứng tiền bồi thường tương đương khoảng 16 tỷ VND. Số còn lại (khoảng 134 tỷ VND) Công ty vẫn đang làm việc với Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thống nhất số tiền bồi thường. (xem thuyết minh số V.6a trang 25).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 74 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 74 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

315-
HHA
VG
EM
NV
X
HA
A

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	924.915.077	717.778.980
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	108.513.182.465	102.745.238.169
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	20.000.000.000	213.951.210.000
Cộng	<u>129.438.097.542</u>	<u>317.414.227.149</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	270.622.700.000	(14.186.716.229)	270.622.700.000	(26.253.330.162)
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(14.186.716.229)	139.622.700.000	(26.253.330.162)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	<u>272.117.566.500</u>	<u>(14.186.716.229)</u>	<u>272.117.566.500</u>	<u>(26.253.330.162)</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201126468, thay đổi lần thứ 6 ngày 06 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An số tiền là 30.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535, thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 200.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 3 ngày 20 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Pan Hải An là 273.770.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An số tiền 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND. Trong năm, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho người lao động, tăng vốn điều lệ từ 8.100.000.000 lên 33.050.000.000 VND, tương đương 3.305.000 cổ phần. Công ty nhận được 896.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An do Công ty này trả cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 08 năm 2022 với vốn điều lệ là 33.050.000.000 VND tương đương 3.305.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.195.200 cổ phiếu, tương đương 36,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (số đầu năm là 298.800 cổ phiếu, tương đương 36,89% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết.

Tình hình hoạt động của các công ty con và Công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.253.330.162	20.697.088.773
Trích lập dự phòng bổ sung	-	5.556.241.389
Hoàn nhập dự phòng	(12.066.613.933)	-
Số cuối năm	14.186.716.229	26.253.330.162

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Cho Công ty con thuê văn phòng	2.684.561.005	1.728.163.632
Nhận dịch vụ quản lý Cảng từ Công ty con	49.056.153.624	47.786.899.220
Nhận dịch vụ quản lý tòa nhà từ Công ty con	984.000.000	984.000.000
Dịch vụ cung cấp cho Công ty con	134.370.000	1.047.740.818
Doanh thu khai thác Cảng Công ty con thu hộ	267.057.633.639	262.039.057.543
Công ty con chia lợi nhuận	39.705.976.400	19.337.314.976
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	499.950.333.853	326.490.594.909
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	44.012.845.934	33.008.771.328
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	1.153.273.775	955.014.108
Mua dầu của Công ty mẹ	15.980.781.095	-
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty con	148.600.000.000	40.000.000.000
Phân chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	117.743.893.002	52.214.604.619
Góp vốn theo hợp đồng BCC vào Công ty con	-	25.000.000.000
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty con	86.186.409.977	50.118.121.017
Chi hộ cho Công ty con	-	199.211.201
Công ty con chia lợi nhuận	20.200.000.000	20.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Pan Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	2.275.740.000	634.914.100
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	8.008.948.906	5.299.467.993
Cho Công ty con vay	20.000.000.000	23.200.000.000
Thu tiền gốc cho vay từ Công ty con	33.000.000.000	-
Lãi cho Công ty con vay	3.124.950.000	2.009.027.780
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	7.126.876.360	6.201.923.433
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty con	18.660.000.000	4.000.000.000
Phân chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	16.479.858.054	7.290.110.066
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	178.714.754	180.759.113
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	3.968.026.260	4.567.202.920
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	289.896.233	614.836.623
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết	8.440.000.000	-
Phân chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	19.972.012.296	7.430.922.884
Công ty liên kết chia lợi nhuận	1.045.800.000	747.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Nhận vốn của Công ty liên kết theo hợp đồng BCC	13.000.000.000	-
Phân chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	(7.138.041.531)	-
Góp vốn theo hợp đồng BCC vào Công ty liên kết	80.769.150.000	-
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	30.704.069.206	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Cảng Hải An	112.293.713.049	90.684.736.151
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	40.329.869.234	10.358.661.209
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	68.879.761.355	78.267.163.543
Công ty TNHH Pan Hải An	797.926.670	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.355.620.478	1.367.711.782
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	71.278.652	42.109.325
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	15.216.500	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	844.040.160	624.474.692
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	-	24.615.600
Phải thu các khách hàng khác	6.403.352.168	4.485.920.277
Cộng	118.697.065.217	95.170.656.428

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	304.051.069.400	119.698.860.000
Fresh South Shipping S.A.,	-	84.730.678.650
Các nhà cung cấp khác	16.212.387.600	3.801.864.748
Cộng	320.263.457.000	208.231.403.398

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Các khoản vay này được gia hạn lần thứ 9 thanh toán chậm nhất vào ngày 31/3/2023. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CC481398.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	152.833.412.860	-	62.751.593.614	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận được chia	21.116.287.654	-	12.425.231.234	-
Phải thu kết quả hoạt động BCC	131.166.562.245	-	50.118.121.017	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	93.324.451.508	-	50.118.121.017	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	37.842.110.737	-	-	-
Các khoản chi hộ	550.562.961	-	208.241.363	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	290.983.061.486	-	114.031.629.157	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC	17.853.745.525	-	-	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	124.423.676.376	-	112.423.676.376	-
Chi phí khắc phục sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường ⁽ⁱ⁾	133.976.708.530	-	-	-
Công ty Liên doanh Vận tải Container ZIM - Hải An	1.211.816.848	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	11.644.350.000	-	97.350.000	-
Tạm ứng	589.603.600	-	303.012.754	-
Tạm tính doanh thu	-	-	468.473.907	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.283.160.607	-	739.116.120	-
Cộng	443.816.474.346	-	176.783.222.771	-

⁽ⁱ⁾ Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019 và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020.

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số tiền
Chi phí Công ty đã chi trả	200.087.476.084
Di chuyển tàu từ điểm neo đậu về cầu cảng tại Chitagong	9.025.018.967
Khắc phục sự cố tại Chitagong	31.871.457.793
Chi phí thuyền viên, nhân sự	1.124.353.206
Chi phí nhiên liệu	16.567.173.445
Chi phí bồi thường hàng hóa hư hỏng	70.354.763.251
Chi phí dry dock, sửa chữa tàu	71.144.709.422
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(16.110.767.554)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)
Số còn lại chờ bồi thường	133.976.708.530

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	150.769.150.000	-	70.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱ⁾	80.769.150.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.000.000	-	74.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	150.843.150.000	-	70.074.000.000	-

(i) Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 và số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn và tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Hợp đồng 48-HĐHTKD	45.000.000.000	56,25%
Hợp đồng 0101-2021/BCC-HACT	25.000.000.000	25,00%
Cộng	70.000.000.000	-

(ii) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn của Công ty trong Hợp đồng Hợp tác kinh doanh là 80.769.150.000 VND (tỷ lệ vốn góp là 31,5%).

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Hưng Thịnh	65.089.486	(65.089.486)	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	99.744.126	(99.744.126)	99.744.126	(99.744.126)
Cộng	164.833.612	(164.833.612)	164.833.612	(164.833.612)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.399.638.985	-	18.187.588.810	-
Công cụ, dụng cụ	570.470.806	-	73.594.545	-
Cộng	18.970.109.791	-	18.261.183.355	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dầu nhờn	3.226.432.206	3.954.543.480
Chi phí bảo hiểm	3.220.454.259	1.092.333.507
Phí đường bộ	89.049.500	66.589.502
Chi phí thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	391.309.960
Cộng	6.615.935.965	5.584.776.448

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	76.125.000	30.095.625
Chi phí sửa chữa	6.412.646.208	3.722.571.360
Chi phí lên đà tàu Hải An Link, West, City	31.758.137.317	396.074.102
Chi phí khác	198.037.051	6.443.580.044
Cộng	38.444.945.576	10.592.321.131

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	227.398.863.668	308.374.778.281	715.889.599.162	775.938.182	20.921.370.354	1.273.360.549.647
Mua trong năm	-	7.426.228.702	1.309.087.438.972	52.536.364	-	1.316.566.204.038
Số cuối năm	227.398.863.668	315.801.006.983	2.024.977.038.134	828.474.546	20.921.370.354	2.589.926.753.685
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.840.040.640	183.729.823.899	11.861.417.086	775.938.182	77.500.000	245.284.719.807
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	138.580.902.303	250.934.154.466	133.213.706.071	752.189.266	10.499.435.195	533.980.387.301
Khấu hao trong năm	9.749.904.840	16.074.571.998	110.528.836.694	30.998.552	2.084.387.040	138.468.699.124
Số cuối năm	148.330.807.143	267.008.726.464	243.742.542.765	783.187.818	12.583.822.235	672.449.086.425
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	88.817.961.365	57.440.623.815	582.675.893.091	23.748.916	10.421.935.159	739.380.162.346
Số cuối năm	79.068.056.525	48.792.280.519	1.781.234.495.369	45.286.728	8.337.548.119	1.917.477.667.260
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.534.296.471.951 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Số cuối năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1.596.310.000	1.596.310.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.532.790.317	1.593.601.686	4.126.392.003
Khấu hao trong năm	141.286.152	2.708.314	143.994.466
Số cuối năm	2.674.076.469	1.596.310.000	4.270.386.469
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.412.224.919	2.708.314	2.414.933.233
Số cuối năm	2.270.938.767	-	2.270.938.767
<i>Trong đó: Tạm thời không sử dụng Đang chờ thanh lý</i>			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	670.996.106	1.317.971.650.369	(1.316.566.204.038)	-	2.076.442.437
Xây dựng cơ bản dở dang	5.897.963.333	14.488.761.808	-	-	20.386.725.141
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	97.543.547.139	-	(79.550.117.695)	17.993.429.444
Cộng	6.568.959.439	1.430.003.959.316	(1.316.566.204.038)	(79.550.117.695)	40.456.597.022

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	696.406.528	1.516.984.906
Công ty TNHH Pan Hải An	-	759.481.257
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	645.576.208	697.667.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	50.830.320	53.836.376
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	6.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	49.365.103.769	20.296.190.765
Ben Line Agencies Singapore Pte., Ltd	25.212.439.376	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	4.263.618.985	3.455.587.110
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	2.716.145.148	2.719.462.603
Triton Container International Ltd.,	2.287.801.944	2.382.505.579
Công ty TNHH Hàng hải Sao Mai	-	4.021.546.760
Các nhà cung cấp khác	14.885.098.316	7.717.088.713
Cộng	50.061.510.297	21.813.175.671
Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	512.906.564	20.634.454.297	(21.064.224.459)	83.136.402
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	108.455.663.534	(108.455.663.534)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	328.487.460	(328.487.460)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.446.347.036	147.661.612.422	(54.438.866.567)	111.669.092.891
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.592.974	5.416.883.196	(4.833.529.634)	2.327.946.536
Thuế nhà đất	-	2.113.469.423	(2.113.469.423)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.301.653.336	(1.301.653.336)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	20.703.846.574	285.917.223.668	(192.540.894.413)	114.080.175.829

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	737.681.979.126	387.938.318.658
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.141.419.204	680.770.281
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	739.823.398.330	388.619.088.939
Thu nhập được miễn thuế	(60.951.776.900)	(40.284.314.976)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	678.871.621.430	348.334.773.963
<i>Trong đó: Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi</i>	<i>114.072.843.810</i>	<i>103.052.005.083</i>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	135.774.324.286	69.666.954.793
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(11.407.284.381)</i>	<i>(10.305.200.508)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i>(5.703.642.192)</i>	<i>(5.152.600.255)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	118.663.397.713	54.209.154.030
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>854.750.364</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	119.518.148.077	54.209.154.030
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(29.222.619.796)	(12.529.530.255)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	57.366.084.141	26.966.723.262
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	147.661.612.422	68.646.347.037

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	6.019.279.080	1.907.564.021
Chi phí hoạt động tàu	1.084.540.000	2.041.550.000
Chi phí khác	-	393.116.600
Cộng	7.103.819.080	4.342.230.621

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	246.191.324.304	108.346.893.048
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	245.711.324.304	107.866.893.048
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	124.881.934.533	52.214.604.619
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	19.972.012.296	7.430.922.884
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	16.479.858.054	7.290.110.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	36.123.990.865	22.441.357.075
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức	48.253.528.556	18.489.898.404
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	480.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	29.301.973.690	52.191.162.674
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	28.409.241.900	51.225.520.935
Kinh phí công đoàn	118.693.083	253.508.979
Cổ tức phải trả	667.045.600	644.253.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	106.993.107	67.878.860
Cộng	275.493.297.994	160.538.055.722

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC	434.000.000.000	173.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	228.600.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	32.660.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18.440.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	62.100.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	72.200.000.000	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	50.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	484.000.000.000	191.000.000.000

Là các khoản tiền nhận góp vốn theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019, số 68/HĐHTKD ngày 29 tháng 6 năm 2020, số 02-2021 HĐHTKD ngày 02 tháng 02 năm 2021, số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 và số 02-2022 HĐHTKD ngày 15 tháng 9 năm 2022. Theo các hợp đồng này thì Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN MIND, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

(ii) Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN VIEW, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
Cộng	100.000.000.000	100%

(iii) Hợp đồng BCC số 02-2021 HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN WEST, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	10%
Cộng	110.000.000.000	100%

(iv) Hợp đồng BCC số 03-2021 HĐHTKD, góp vốn mua tàu Marina Bia (đổi tên thành Hải An City), tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	5.000.000.000	2,07%
Cộng	242.000.000.000	100%

(v) Hợp đồng BCC số 02-2022 HĐHTKD, góp vốn mua tàu Hải An Rose, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	236.000.000.000	51,75%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	29,74%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.440.000.000	1,85%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	2,78%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	4,63%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	42.200.000.000	9,25%
Cộng	456.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.520.339.315	44.449.837.069
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	29.413.305.979	44.449.837.069
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	27.107.033.336	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V18b)	116.400.408.207	66.230.710.235
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	106.337.248.207	56.167.550.235
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Cộng	<u>172.920.747.522</u>	<u>110.680.547.304</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng với hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	44.449.837.069	66.230.710.235	110.680.547.304
Số tiền vay phát sinh trong năm	88.261.025.841	-	88.261.025.841
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	170.134.170.757	170.134.170.757
Số tiền vay đã trả trong năm	(76.190.523.595)	(119.964.472.785)	(196.154.996.380)
Số cuối năm	<u>56.520.339.315</u>	<u>116.400.408.207</u>	<u>172.920.747.522</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	556.504.178.353	113.642.828.509
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱ⁾	15.094.730.000	25.157.890.000
Cộng	<u>571.598.908.353</u>	<u>138.800.718.509</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby (Hải An Mind).
 - Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
 - Hợp đồng tín dụng số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay 2 năm đầu là 7,8%/năm, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe nâng Kalmar.
 - Hợp đồng tín dụng số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022 số tiền 341.950.000.000 VND, mục đích vay để đầu tư dự án tàu container Marine Bia, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN CITY theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 02.2022/HĐTC/VCB-XDHA.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	116.400.408.207	66.230.710.235
Trên 1 năm đến 5 năm	571.598.908.353	138.800.718.509
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>687.999.316.560</u>	<u>205.031.428.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	138.800.718.509	116.956.807.073
Số tiền vay phát sinh	620.023.500.000	93.983.126.250
Số tiền vay đã trả trong năm	(17.091.139.399)	(5.433.113.239)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(170.134.170.757)	(66.230.710.235)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	-	(475.391.340)
Số cuối năm	<u>571.598.908.353</u>	<u>138.800.718.509</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.296.167.213	16.463.000.000	(5.371.441.000)	30.387.726.213
Quỹ thưởng Ban điều hành	12.390.244.434	12.347.000.000	(4.220.000.000)	20.517.244.434
Cộng	<u>31.686.411.647</u>	<u>28.810.000.000</u>	<u>(9.591.441.000)</u>	<u>50.904.970.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	171.562.014.440	987.868.722.993
Bán cổ phiếu quỹ	-	76.034.035.237	22.905.485.178	-	-	98.939.520.415
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	333.729.164.628	333.729.164.628
Trích lập các quỹ	-	-	-	34.312.000.000	(46.321.000.000)	(12.009.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
Số dư cuối năm trước	487.827.510.000	191.640.648.159	-	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	191.640.648.159	-	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Tăng vốn trong năm (*)	20.488.500.000	-	-	-	-	20.488.500.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	195.130.660.000	-	-	-	(195.130.660.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	618.163.831.049	618.163.831.049
Trích lập các quỹ	-	-	-	82.315.000.000	(111.125.000.000)	(28.810.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(48.782.751.000)	(48.782.751.000)
Số dư cuối năm nay	703.446.670.000	191.640.648.159	-	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	703.446.670.000	487.827.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	895.087.318.159	679.468.158.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:10 (cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu phổ thông cho người lao động trong Công ty (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 18 tháng 3 năm 2022. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 195.130.660.000 VND, ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 20.488.500.000 VND. Ngày 17 tháng 11 năm 2022 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 703.446.670.000 VND.

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.344.667	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	48.782.751

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:
- Cổ tức bằng tiền (1.000 VND/cổ phiếu)	: 48.782.751.000
- Cổ tức bằng cổ phiếu (4.000 VND/cổ phiếu)	: 195.130.660.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (20% lợi nhuận sau thuế)	: 82.315.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 12.347.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 16.463.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.681.020,39	3.406.852,27
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	326.929.385.436	318.211.334.258
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	961.204.942.333	468.703.147.160
Doanh thu hoạt động khác	91.164.850.895	88.524.928.821
Cộng	<u>1.379.299.178.664</u>	<u>875.439.410.239</u>

1b. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	48.856.100	3.443.601.967
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	3.656.239.441	3.342.237.989
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	244.625.003	82.748.458
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.732.122.583	8.339.489.587

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	182.139.301.545	186.568.022.944
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	404.748.260.202	246.065.833.374
Giá vốn hoạt động khác	59.360.742.943	59.558.809.602
Cộng	<u>646.248.304.690</u>	<u>492.192.665.920</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.221.241.533	3.462.672.437
Lãi tiền cho vay	9.678.429.454	3.564.753.807
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.951.776.900	40.284.314.976
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.436.127.097	2.230.321.620
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	275.781.675
Cộng	<u>86.287.574.984</u>	<u>49.817.844.515</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	30.340.129.100	11.136.637.783
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(12.066.613.933)	5.556.241.389
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.943.120.563	283.830.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.699.691.458	-
Cộng	<u>23.916.327.188</u>	<u>16.976.709.650</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.101.637.381	13.876.588.114
Chi phí vật liệu quản lý	507.169.617	274.455.603
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.994.715	237.000.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	915.815.730	1.072.808.394
Thuế, phí và lệ phí	69.694.923	44.845.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.648.757.381	3.431.329.310
Các chi phí khác	10.150.295.562	7.213.101.435
Cộng	<u>31.493.365.309</u>	<u>26.150.128.274</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	209.174.528
Xử lý công nợ	909.952.683	-
Tiền bồi thường	365.118.898	-
Thu nhập khác	75.679.487	105.373.453
Cộng	<u>1.350.751.068</u>	<u>314.547.981</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khắc phục sự cố tàu (*)	26.629.328.593	-
Chi ủng hộ	-	2.000.000.000
Chi phí khác	968.199.810	313.980.233
Cộng	<u>27.597.528.403</u>	<u>2.313.980.233</u>

(*) Trong đó, chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City là 26.317.719.646 VND. Chi tiết như sau:

Ước tính chi phí không được bồi thường	50.000.000.000
Mức khấu trừ theo đơn bảo hiểm	138.540.000
Phân chia chi phí BCC cho các bên góp vốn theo hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ký ngày 25 ngày 11 năm 2021 (47,72%)	(23.820.820.354)
Phần Công ty chịu	<u>26.317.719.646</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.112.619.890	93.486.938.040
Chi phí nhân công	68.503.714.609	51.514.187.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	125.646.269.741	80.137.168.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.484.332.853	215.607.223.122
Chi phí khác	88.994.732.906	77.597.277.294
Cộng	<u>677.741.669.999</u>	<u>518.342.794.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí khấu hao phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.612.693.590	88.271.872.658
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(45.186.603.614)	(21.209.344.487)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	32.220.179.765	13.074.639.916
Cộng	<u>125.646.269.741</u>	<u>80.137.168.087</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 900.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 720.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.860.738.462	120.000.000	1.537.589.939	3.518.328.401
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.176.240.000	120.000.000	1.053.591.174	2.349.831.174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	120.000.000	200.000.000	320.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	761.760.000	-	495.382.404	1.257.142.404
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	-	84.965.277	399.365.277
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	25.000.000	60.000.000	72.000.000	157.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	36.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	36.000.000	96.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	620.050.000	-	406.218.964	1.026.268.964
	4.758.188.462	900.000.000	4.191.747.758	9.849.936.220

	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Năm trước				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.450.430.772	96.000.000	1.450.934.282	2.997.365.054
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	944.500.000	96.000.000	839.055.936	1.879.555.936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	96.000.000	120.000.000	216.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	308.420.000	96.000.000	272.281.993	676.701.993
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	184.760.000	-	92.046.666	276.806.666
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	74.920.000	-	9.970.000	84.890.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	48.000.000	36.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	453.740.000	-	293.611.096	747.351.096
Cộng	3.416.770.772	720.000.000	3.281.899.973	7.418.670.745

Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam) Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cánh đồng xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i>		
Chi phí thuê văn phòng	2.600.708.347	1.787.328.780
HATS trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	27.100.000.000	15.000.000.000
HATS chi trả lợi nhuận BCC	51.123.990.865	22.441.357.075
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức</i>		
HATS trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
Sử dụng dịch vụ	-	28.200.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	45.200.000.000	2.000.000.000
HATS chi trả lợi nhuận BCC	48.253.528.556	18.489.898.404
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i>		
Sử dụng dịch vụ	-	3.342.278.885
<i>Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	95.454.554	79.090.906
<i>Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh</i>		
HATS trả cổ tức	-	1.503.200.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13, V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	326.929.385.436	961.204.942.333	91.164.850.895	1.379.299.178.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.929.385.436	961.204.942.333	91.164.850.895	1.379.299.178.664
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	144.790.083.891	556.456.682.131	31.804.107.952	733.050.873.974
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(31.493.365.309)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				701.557.508.665
Doanh thu hoạt động tài chính				86.287.574.984
Chi phí tài chính				(23.916.327.188)
Thu nhập khác				1.350.751.068
Chi phí khác				(27.597.528.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(119.518.148.077)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				618.163.831.049
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.161.932.963	1.331.623.641.777	778.712.987	1.350.564.287.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	23.502.182.362	116.263.163.585	2.119.921.060	141.885.267.007
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	318.211.334.258	468.703.147.160	88.524.928.821	875.439.410.239
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.211.334.258	468.703.147.160	88.524.928.821	875.439.410.239
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	131.643.311.314	222.637.313.786	28.966.119.219	383.246.744.319
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(26.150.128.274)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				357.096.616.045
Doanh thu hoạt động tài chính				49.817.844.515
Chi phí tài chính				(16.976.709.650)
Thu nhập khác				314.547.981
Chi phí khác				(2.313.980.233)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(54.209.154.030)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				333.729.164.628
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	31.540.851.026	196.634.096.791	597.701.180	228.772.648.997
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.995.282.928	64.566.269.310	1.140.948.452	92.702.500.690
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

3815-
NHÀ
TÍNH T
HIỆM H
AN VÀ
& C
HẢI AN
ĐA-T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>200.060.158.880</u>	<u>2.636.949.604.796</u>	<u>44.819.131.304</u>	<u>2.881.828.894.980</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>780.737.762.894</u>
Tổng tài sản				<u>3.662.566.657.874</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>24.449.683.398</u>	<u>1.452.348.263.259</u>	<u>261.990.289.123</u>	<u>1.738.788.235.780</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				1.583.232.009
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>1.740.371.467.789</u>
Tổng nợ phải trả				<u>1.740.371.467.789</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>164.278.427.897</u>	<u>989.033.905.057</u>	<u>43.896.948.084</u>	<u>1.197.209.281.038</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				865.949.581.316
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>2.063.158.862.354</u>
Tổng tài sản				<u>2.063.158.862.354</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>20.951.773.884</u>	<u>516.870.069.150</u>	<u>84.848.729.313</u>	<u>622.670.572.347</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				79.352.679.971
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>702.023.252.318</u>
Tổng nợ phải trả				<u>702.023.252.318</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 9 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc

**Vũ Thanh Hải**



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
THO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 51

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Vũ Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 09 tháng 02 năm 2023

CH
TRÁCH
KIỂM T
T
ÔNG

Số: 2.0033/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền



Phạm Quốc Huy – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 4918-2019-008-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 02 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.744.506.986.111	1.287.237.970.137
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	415.481.021.778	484.732.416.770
1. Tiền	111		290.981.021.778	207.481.206.770
2. Các khoản tương đương tiền	112		124.500.000.000	277.251.210.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.099.281.797	87.372.980.427
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	140.099.281.797	87.372.980.427
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		978.676.238.299	633.042.082.092
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	238.251.488.945	233.995.316.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	321.203.215.652	209.432.319.623
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	37.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	371.209.860.938	154.660.539.929
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.988.327.236)	(2.046.094.315)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		78.439.535.424	48.419.634.267
1. Hàng tồn kho	141	V.8	78.439.535.424	48.419.634.267
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		131.810.908.813	33.670.856.581
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	12.365.621.719	12.069.586.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		101.730.668.217	21.601.269.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	17.714.618.877	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.304.912.510.965	1.945.107.403.834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.894.400.000	74.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	112.894.400.000	74.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.744.063.079.887	1.535.890.707.186
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.406.762.893.450	1.292.856.919.590
<i>Nguyên giá</i>	222		3.450.370.577.585	2.105.356.805.779
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.043.607.684.135)	(812.499.886.189)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	333.830.175.290	239.098.531.863
<i>Nguyên giá</i>	225		439.180.122.735	267.489.773.742
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(105.349.947.445)	(28.391.241.879)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3.470.011.147	3.935.255.733
<i>Nguyên giá</i>	228		14.155.927.885	13.554.927.885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.685.916.738)	(9.619.672.152)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.414.706.626	6.568.959.439
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	45.414.706.626	6.568.959.439
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		140.466.192.045	147.761.760.195
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	120.015.325.545	127.310.893.695
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.450.866.500	20.450.866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		262.074.132.407	254.811.977.014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	262.074.132.407	254.811.977.014
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.049.419.497.076	3.232.345.373.971

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.162.498.791.622	1.330.315.411.554
I. Nợ ngắn hạn	310		910.335.413.837	620.603.862.899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	148.426.643.717	78.861.911.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.358.601.123	763.856.819
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	117.649.089.139	53.140.818.010
4. Phải trả người lao động	314		39.028.845.672	28.715.046.180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	34.213.271.504	28.861.733.938
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	12.487.777.112	15.181.295.259
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	169.312.336.585	142.815.441.175
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	317.706.778.434	233.809.277.118
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	2.648.342.710	2.648.342.710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	67.503.727.841	35.806.140.284
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.252.163.377.785	709.711.548.655
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	247.740.000.000	151.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.004.423.377.785	558.711.548.655
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.886.920.705.454	1.902.029.962.417
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.886.920.705.454	1.902.029.962.417
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		703.446.670.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.446.670.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		390.548.782.590	280.492.385.617
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.025.370.124.082	591.761.088.614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.433.001.246	591.761.088.614
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		821.937.122.836	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		575.914.480.623	350.308.330.027
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.049.419.497.076	3.232.345.373.971

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.205.610.066.164	1.955.301.419.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.205.610.066.164	1.955.301.419.313
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.783.865.288.872	1.241.007.563.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.421.744.777.292	714.293.855.611
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.702.889.553	26.276.353.563
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	76.323.593.746	32.927.206.027
Trong đó: chi phí lãi vay	23		57.167.219.413	32.129.730.020
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		29.339.272.188	19.313.009.227
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	113.764.933.866	85.027.576.435
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.299.698.411.421	641.928.435.939
12. Thu nhập khác	31	VI.6	5.603.455.788	23.096.351.626
13. Chi phí khác	32	VI.7	32.885.613.998	2.707.424.146
14. Lợi nhuận khác	40		(27.282.158.210)	20.388.927.480
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.272.416.253.211	662.317.363.419
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	231.623.019.508	111.702.007.956
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.040.793.233.703	550.615.355.463
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		821.937.122.836	445.513.497.100
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		218.856.110.867	105.101.858.363
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	11.306	6.207
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	11.306	6.207

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc





 Vũ Thanh Hải

Trần Thị Thanh Hào

Trần Thị Thanh Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.272.416.253.211	662.317.363.419
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	278.066.256.436	163.541.926.969
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	(57.767.079)	620.627.605
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		13.540.702.178	(489.435.007)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(25.194.563.826)	(40.144.582.374)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	57.167.219.413	32.129.730.020
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.595.938.100.333	817.975.630.632
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(322.175.529.880)	(92.595.313.295)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.019.901.157)	(2.719.585.051)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		332.960.334.249	210.459.450.847
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.558.190.204)	(11.294.998.780)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55.579.474.333)	(29.896.576.332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(209.255.547.886)	(96.159.681.045)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(9.591.441.000)	(5.684.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.294.718.350.122	790.084.526.976
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.603.780.909.743)	(619.848.552.489)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	53.027.017.421
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(429.550.328.521)	(69.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		363.824.027.151	44.620.250.629
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(17.000.000.000)	(78.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.219.332.244	19.662.948.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.661.287.878.869)	(649.538.335.559)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22	20.488.500.000	98.939.520.415
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	716.284.525.841	286.572.789.457
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(292.538.213.929)	(174.568.543.009)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(76.445.954.186)	(20.198.242.945)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.559.959.300)	(67.084.355.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		299.228.898.426	123.661.168.418
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(67.340.630.321)	264.207.359.835
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	484.732.416.770	221.024.298.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.910.764.671)	(499.241.614)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	415.481.021.778	484.732.416.770

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Vận tải, bốc xếp hàng hóa cảng biển và các dịch vụ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng cao, trong năm Công ty đưa vào khai thác tàu Hải An City từ ngày 03 tháng 4 năm 2022, đồng thời nhận thêm kết quả kinh doanh của tàu An Biên Bay từ Công ty Cổ phần Vận tải An Biên (Công ty liên kết) theo hợp đồng BCC từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm cũng ảnh hưởng bởi sự cố tàu Hải An City bị tàu Orion Express va chạm tại vùng biển vịnh Bengal vào ngày 14 tháng 4 năm 2022. Đến thời điểm hiện tại các bên vẫn đang xử lý khắc phục sự cố. Công ty ước tính giá trị tổn thất phát sinh từ việc khắc phục sự cố này khoảng 200 tỷ VND.

Bước đầu, để đảm bảo việc khắc phục sự cố, sửa chữa tàu, nhanh chóng đưa tàu vào khai thác, Công ty quyết định phương án như sau:

- Công ty sẽ chi các khoản chi phí phát sinh liên quan đến sự cố từ khi tàu bị va chạm đến khi tàu rời Chitagong (“sửa chữa tạm thời”) và các chi phí phát sinh từ khi tàu rời Chitagong về đến Singapore hoặc Việt Nam để lên đà sửa chữa đến khi hoàn thành việc sửa chữa (“sửa chữa vĩnh viễn”);
- Việc bồi thường tổn thất sẽ do Tổng Công ty Bảo hiểm PVI xem xét, đánh giá dựa trên các điều khoản hợp đồng bảo hiểm với các khoản chi hợp lý, hợp lệ.

Đến thời điểm 30/6/2022, Công ty đã chi các khoản chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu tại Chitagong (“sửa chữa tạm thời”) hơn 53 tỷ VND.

Tính đến ngày 31/12/2022, các khoản chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Công ty đã chi trả khoảng 200 tỷ VND. Công ty ước tính chi phí không được bồi thường khoảng 50 tỷ VND và đã hạch toán vào chi phí trong năm 50 tỷ. Tổng Công ty Bảo hiểm PVI đã tạm ứng tiền bồi thường tương đương khoảng 16 tỷ VND. Số còn lại (khoảng 134 tỷ VND) Công ty vẫn đang làm việc với Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thống nhất số tiền bồi thường. (xem thuyết minh số V.6a trang 28).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, Công ty TNHH Cảng Hải An – Công ty con mua thêm 10% vốn của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này lên 60%. Mục đích của việc mua thêm vốn của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là mở rộng hoạt động và hoàn thiện chuỗi cung ứng của Tập đoàn.

Giá phí hợp nhất kinh doanh của công ty con được mua bao gồm:

	<u>Tại ngày 31/7/2022</u>
Tiền	7.500.000.000
Giá trị hợp lý của 50% vốn góp tại Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An đem trao đổi tại ngày mua	53.634.840.338
Cộng	<u>61.134.840.338</u>

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lãi từ giao dịch mua rẻ như sau:

	<u>Tại ngày 31/7/2022</u>
Tài sản	<u>149.016.677.355</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.533.874.291
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.340.191.588
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.712.500
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	21.572.543.832
Hàng tồn kho	23.358.393
Chi phí trả trước ngắn hạn	338.772.367
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	117.895.794
Phải thu dài hạn khác	41.410.250.000
Tài sản cố định	3.561.676.691
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.500.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	2.614.401.899
Nợ phải trả	<u>41.746.996.680</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	30.821.738.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	203.716.320
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	525.505.230
Phải trả người lao động	2.904.525.297
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.875.059.065
Phải trả ngắn hạn khác	343.535.821
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.492.336.686
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại HAGS	3.580.579.935
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	<u>107.269.680.675</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	<u>42.907.872.270</u>
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	<u>64.361.808.405</u>
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	<u>61.134.840.338</u>
Lãi từ giao dịch mua rẻ [(b) – (a)]	<u>(3.226.968.067)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền chi thuận để mua công ty con:

Trả bằng tiền

7.500.000.000

Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua

(32.533.874.291)

Tiền chi thuận**(25.033.874.291)****6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	60%	50%	60%	50%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ bốc xếp, vận tải bộ	40,82%	34,02%	68,03%	68,03%

⁽ⁱ⁾ Là Công ty con của Công ty con - Công ty TNHH Cảng Hải An từ tháng 8/2022.⁽ⁱⁱ⁾ Là Công ty con của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.**6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ^(*)	Tầng 5 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Vận tải hàng hóa	36,16%	36,89%	36,16%	36,89%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ^(**)	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	17,17%	-	34%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty TNHH Pan Hải An đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.966.014.297	1.747.324.634
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	286.015.007.481	205.733.882.136
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	124.500.000.000	277.251.210.000
Cộng	415.481.021.778	484.732.416.770

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱ⁾	1.494.000.000	28.753.878.905	30.247.878.905	1.494.000.000	15.612.764.091	17.106.764.091
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	12.500.000.000	29.704.129.604	42.204.129.604
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	85.000.000.000	4.767.446.640	89.767.446.640	68.000.000.000	-	68.000.000.000
Cộng	86.494.000.000	33.521.325.545	120.015.325.545	81.994.000.000	45.316.893.695	127.310.893.695

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND. Trong năm, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu cho người lao động, tăng vốn điều lệ từ 8.100.000.000 lên 33.050.000.000 VND, tương đương 3.305.000 cổ phần. Công ty nhận được 896.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An do Công ty này trả cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 08 năm 2022 với vốn điều lệ là 33.050.000.000 VND tương đương 3.305.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.195.200 cổ phiếu, tương đương 36,16% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (số đầu năm là 298.800 cổ phiếu, tương đương 36,89% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201244461 thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là 75.000.000.000 VND, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 45.000.000.000 VND (trong đó có 30.000.000.000 VND đầu tư bằng lợi nhuận được chia trong năm 2022), tương đương 60% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 ngày 22 tháng 11 năm 2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên có vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND, tương đương 25.000.000 cổ phần. Trong năm Công ty TNHH Vận tải Container Hải An đã mua thêm 1.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên với giá mua là 17.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 8.500.000 cổ phiếu, tương đương 34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (số đầu năm là 6.800.000 cổ phiếu, tương đương 34% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	17.106.764.091	42.204.129.604	68.000.000.000	127.310.893.695
Góp vốn trong năm	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	14.186.914.814	13.930.710.734	4.767.446.640	32.885.072.188
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	(1.045.800.000)	(2.500.000.000)	-	(3.545.800.000)
Phân loại lại khoản đầu tư	-	(53.634.840.338)	-	(53.634.840.338)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	30.247.878.905	-	89.767.446.640	120.015.325.545

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	185.541.197.737	120.663.037.506
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết	8.440.000.000	-
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	15.168.193.946	27.528.140.236
Phân chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	19.972.012.296	7.430.922.884
Công ty liên kết chia lợi nhuận	1.045.800.000	747.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	24.649.356.079	-
Góp vốn vào Công ty liên kết	17.000.000.000	68.000.000.000
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	38.652.085.953	-
Nhận vốn của Công ty liên kết theo hợp đồng BCC	13.000.000.000	7.000.000.000
Phân chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	(7.138.041.531)	-
Góp vốn theo hợp đồng BCC vào Công ty liên kết	106.410.150.000	-
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	40.451.392.760	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	450.000.000	-	450.000.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	20.450.866.500	-	20.450.866.500	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	45.400.839.342	47.391.675.020
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	12.651.230.681
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	33.034.470.515	26.197.715.211
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	2.158.186.705	1.001.582.223
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	9.838.028.122	7.496.643.305
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	-	24.879.600
Công ty Cổ phần Transimex	345.600.000	-
Công ty Cổ phần Logistics New Way	24.554.000	19.624.000
Phải thu các khách hàng khác	192.850.649.603	186.603.641.835
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	27.141.330.261	36.860.121.573
Các khách hàng khác	165.709.319.342	149.743.520.262
Cộng	238.251.488.945	233.995.316.855

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	221.005.900
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	221.005.900
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	321.203.215.652	209.211.313.723
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	304.051.069.400	119.698.860.000
Fresh South Shipping S.A.,	-	84.730.678.650
Các nhà cung cấp khác	17.152.146.252	4.781.775.073
Cộng	321.203.215.652	209.432.319.623

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Các khoản vay này được gia hạn lần thứ 9 thanh toán chậm nhất vào ngày 31/3/2023. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CC481398.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	50.576.828.143		208.241.363	
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên - hoạt động BCC	50.026.265.182		-	
Các khoản chi hộ	550.562.961		208.241.363	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	320.633.032.795		154.452.298.566	
Lãi tiền gửi dự thu	79.656.241		104.424.659	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC	17.853.745.525		-	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án ⁽ⁱ⁾	124.423.676.376		112.423.676.376	
Chi phí khắc phục sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường ⁽ⁱⁱ⁾	133.976.708.530		-	
Công ty Liên doanh vận tải container ZIM - Hải An	1.203.553.828		-	
Seacube Containers - Đặt cọc	3.257.369.640		3.107.747.520	
Ký cược, ký quỹ	11.828.370.000		280.370.000	
Tạm ứng	1.070.895.906		519.212.754	
Tạm tính cước vận chuyển đường biển	22.230.090.244		36.442.558.309	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.708.966.505		1.574.308.948	
Cộng	371.209.860.938		154.660.539.929	

⁽ⁱ⁾ Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019 và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau

	<u>Số tiền</u>
<i>Chi phí Công ty đã chi trả</i>	<i>200.087.476.084</i>
Di chuyển tàu từ điểm neo đậu về cầu cảng tại Chitagong	9.025.018.967
Khắc phục sự cố tại Chitagong	31.871.457.793
Chi phí thuyền viên, nhân sự	1.124.353.206
Chi phí nhiên liệu	16.567.173.445
Chi phí bồi thường hàng hóa hư hỏng	70.354.763.251
Chi phí dry dock, sửa chữa tàu	71.144.709.422
<i>Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường</i>	<i>(16.110.767.554)</i>
<i>Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)</i>	<i>(50.000.000.000)</i>
Số còn lại chờ bồi thường	<u>133.976.708.530</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>112.820.400.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (*)	112.820.400.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>74.000.000</i>	-	<i>74.000.000</i>	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	<u>112.894.400.000</u>	-	<u>74.000.000</u>	-

(*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (“Bên kiểm soát”) về tiền vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Chi tiết như sau:

	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên (Bên kiểm soát)	76.923.000.000	30,00%
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	80.769.150.000	31,50%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (là công ty con)	25.641.000.000	10,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (là công ty con)	6.410.250.000	2,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.256.400.000	4,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.128.200.000	2,00%
Công ty TNHH Quỹ TM Holding	51.282.000.000	20,00%
Cộng	<u>256.410.000.000</u>	<u>100%</u>

7. Nợ xấu

		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		
		<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Navigator Marine Corp	Trên 3 năm	1.823.493.624	(1.823.493.624)	Trên 3 năm	1.763.515.406	(1.763.515.406)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Wan Hai Lines Ltd	-	-	Trên 1 năm đến 2 năm	392.484.324
Cộng		1.988.327.236 (1.988.327.236)		2.320.833.342 (2.046.094.315)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.046.094.315	1.425.466.710
Trích lập dự phòng bổ sung	59.978.218	620.627.605
Hoàn nhập dự phòng	(117.745.297)	-
Số cuối năm	1.988.327.236	2.046.094.315

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	77.857.614.618	-	48.346.039.722	-
Công cụ, dụng cụ	581.920.806	-	73.594.545	-
Cộng	78.439.535.424	-	48.419.634.267	-

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đầu nhòn	5.919.311.413	6.611.291.973
Chi phí bảo hiểm	4.654.097.541	2.536.768.362
Công cụ dụng cụ	985.337.518	1.926.882.189
Chi phí thuê văn phòng	80.000.000	80.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	726.875.247	914.644.385
Cộng	12.365.621.719	12.069.586.908

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lên đà tàu	44.009.402.383	35.289.306.458
Công cụ dụng cụ	2.001.693.699	2.801.661.353
Chi phí sửa chữa tài sản	7.938.329.210	3.722.571.360
Tiền thuê đất (*)	206.007.364.728	211.677.292.200
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.117.342.387	1.321.145.643
Cộng	262.074.132.407	254.811.977.014

(*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m2 trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành "Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ") theo hợp đồng số 05.HĐTĐ/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	462.658.926.412	338.467.189.989	1.259.875.966.898	4.819.478.262	39.535.244.218	2.105.356.805.779
Tăng do mua công ty con	-	-	18.779.761.702	169.527.273	-	18.949.288.975
Mua trong năm	-	16.235.523.172	1.309.087.438.972	392.236.364	-	1.325.715.198.508
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán XDCB	220.784.323	-	-	-	128.500.000	349.284.323
Số cuối năm	462.879.710.735	354.702.713.161	2.587.743.167.572	5.381.241.899	39.663.744.218	3.450.370.577.585
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.916.808.091	190.574.814.103	25.055.182.670	2.546.517.707	141.136.364	267.234.458.935
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	168.212.477.564	263.108.443.131	361.690.272.563	3.095.351.506	16.393.341.425	812.499.886.189
Tăng do mua công ty con	-	-	15.278.362.779	169.527.273	-	15.447.890.052
Khấu hao trong năm	23.983.943.275	19.588.479.059	167.396.633.739	648.763.365	4.042.088.456	215.659.907.894
Số cuối năm	192.196.420.839	282.696.922.190	544.365.269.081	3.913.642.144	20.435.429.881	1.043.607.684.135
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	294.446.448.848	75.358.746.858	898.185.694.335	1.724.126.756	23.141.902.793	1.292.856.919.590
Số cuối năm	270.683.289.896	72.005.790.971	2.043.377.898.491	1.467.599.755	19.228.314.337	2.406.762.893.450
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.908.890.089.028 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	267.489.773.742	(28.391.241.879)	239.098.531.863
Thuê tài chính trong năm	171.690.348.993	-	171.690.348.993
Khấu hao trong năm	-	(76.958.705.566)	(76.958.705.566)
Số cuối năm	439.180.122.735	(105.349.947.445)	333.830.175.290

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	8.609.912.649	13.554.927.885
Tăng do mua công ty con	-	601.000.000	601.000.000
Số cuối năm	4.945.015.236	9.210.912.649	14.155.927.885
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.244.172.649	5.244.172.649
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.532.790.317	7.086.881.835	9.619.672.152
Tăng do mua công ty con	-	540.722.232	540.722.232
Khấu hao trong năm	141.286.152	384.236.202	525.522.354
Số cuối năm	2.674.076.469	8.011.840.269	10.685.916.738
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.412.224.919	1.523.030.814	3.935.255.733
Số cuối năm	2.270.938.767	1.199.072.380	3.470.011.147
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	670.996.106	1.318.739.128.406	(1.316.566.204.038)	-	2.843.920.474
Xây dựng cơ bản dở dang	5.897.963.333	14.488.761.808	-	-	20.386.725.141
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	65.191.216.001	-	(43.007.154.990)	22.184.061.011
Cộng	6.568.959.439	1.398.419.106.215	(1.316.566.204.038)	(43.007.154.990)	45.414.706.626

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	13.192.810.627	2.318.557.223
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	-	1.869.184.083
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	100.106.280	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	437.802.304	270.939.931
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6.397.035.123	92.433.209
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức tại Hải Phòng	49.725.000	80.000.000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	5.762.966.080	6.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	445.175.840	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	135.233.833.090	76.543.354.183
Ben Line Agencies Singapore Pte., Ltd	25.212.439.376	-
BMS United Bunkers (Asia) Limited	26.614.245.290	-
Các nhà cung cấp khác	83.407.148.424	76.543.354.183
Cộng	148.426.643.717	78.861.911.406

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do mua Công ty con</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.647.456.820	99.614.363	93.388.606.288	(94.423.402.509)	1.712.274.962	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	108.455.663.534	(108.455.663.534)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	328.487.460	(328.487.460)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.843.028.354	132.767.462	257.094.422.262	(209.255.547.886)	112.529.289.069	17.714.618.877
Thuế thu nhập cá nhân	3.650.332.836	175.227.611	12.553.284.400	(12.971.319.739)	3.407.525.108	-
Thuế nhà đất	-	-	2.113.469.423	(2.113.469.423)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.301.653.336	(1.301.653.336)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	113.652.632	(113.652.632)	-	-
Cộng	53.140.818.010	407.609.436	475.349.239.335	(428.963.196.519)	117.649.089.139	17.714.618.877

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho thuê tàu	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	231.623.019.508	111.702.007.956
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	37.265.302.841	20.941.020.399
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(11.793.900.087)	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	257.094.422.262	132.643.028.355

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	8.420.915.765	5.094.932.226
Chi phí hoạt động tàu	2.044.220.000	3.406.550.000
Chi phí mua dầu	14.586.892.800	6.946.771.324
Tạm tính chi phí khai thác tàu	8.139.128.458	11.969.628.735
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.022.114.481	1.443.851.653
Cộng	34.213.271.504	28.861.733.938

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	134.126.651.806	84.244.081.608
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	133.646.651.806	83.764.081.608
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	19.972.012.296	7.430.922.884
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	18.293.273.983
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	55.087.087.492	33.444.520.992
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức	58.587.552.018	24.595.363.749
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	480.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	35.185.684.779	58.571.359.567
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	28.409.241.900	51.225.520.935
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.510.881.000	5.531.000.000
Kinh phí công đoàn	375.630.187	430.315.551
Cổ tức phải trả	667.045.600	644.253.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.222.886.092	740.269.181
Cộng	169.312.336.585	142.815.441.175

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	197.740.000.000	133.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	29.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	18.440.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	77.100.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	82.200.000.000	37.000.000.000
Phải trả các đơn vị khác	50.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	247.740.000.000	151.000.000.000

Là các khoản tiền nhận góp vốn theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017, số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019, số 68/HĐHTKD ngày 29 tháng 6 năm 2020, số 01-2021 BCC HACT ngày 02 tháng 02 năm 2021, số 02-2021 HĐHTKD ngày 02 tháng 02 năm 2021, số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 và số 02-2022 HĐHTKD ngày 15 tháng 9 năm 2022. Theo các hợp đồng này thì Tập đoàn là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Hợp đồng BCC số 48-HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN BELL, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

(ii) Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN MIND, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

(iii) Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN VIEW, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
Cộng	100.000.000.000	100%

(iv) Hợp đồng BCC số 0101-2021 BCC/HACT, góp vốn mua tàu HAIAN EAST, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25.000.000.000	25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	60.000.000.000	60%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	5.000.000.000	5%
Cộng	100.000.000.000	100%

(v) Hợp đồng BCC số 02-2021 HĐHTKD, góp vốn mua tàu HAIAN WEST, tỷ lệ góp vốn như sau::

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	10%
Cộng	110.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (vi) Hợp đồng BCC số 03-2021 HĐHTKD, góp vốn mua tàu Marina Bia (đổi tên thành Hải An City), tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	5.000.000.000	2,07%
Cộng	242.000.000.000	100%

- (vii) Hợp đồng BCC số 02-2022 HĐHTKD, góp vốn mua tàu Hải An Rose, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	236.000.000.000	51,75%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	135.600.000.000	29,74%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.440.000.000	1,85%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12.660.000.000	2,78%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	21.100.000.000	4,63%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	42.200.000.000	9,25%
Cộng	456.000.000.000	100%

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.520.339.315	56.358.887.069
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	29.413.305.979	46.358.887.069
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	10.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	27.107.033.336	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	167.536.408.207	123.988.544.035
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	-	2.166.925.800
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	147.969.248.207	102.590.458.235
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Pantos Holding Incorporation	9.504.000.000	9.168.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	93.650.030.912	53.461.846.014
Beacon Intermodal Leasing LLC	30.791.454.750	15.614.450.009
Cai International, INC	13.992.252.120	12.442.203.294
Seaco Global Limited	14.745.763.862	12.999.401.088
Seacube Containers	13.870.090.080	12.405.791.623
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	20.250.470.100	-
Cộng	317.706.778.434	233.809.277.118

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng với hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.
 - Hợp đồng vay số 01.2021/HĐCVHM/VCB-PANHAIAN ngày 14 tháng 7 năm 2021 để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; số tiền vay tối đa là 7.000.000.000 VND. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	56.358.887.069	123.988.544.035	53.461.846.014	233.809.277.118
Số tiền vay phát sinh trong năm	96.261.025.841	-	-	96.261.025.841
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	221.270.170.757	93.650.030.912	314.920.201.669
Số tiền vay đã trả trong năm	(96.099.573.595)	(177.722.306.585)	(53.461.846.014)	(327.283.726.194)
Số cuối năm	56.520.339.315	167.536.408.207	93.650.030.912	317.706.778.434

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	731.153.178.533	341.612.183.039
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	716.058.448.533	314.829.098.689
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	-	1.625.194.350
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ⁽ⁱⁱ⁾	15.094.730.000	25.157.890.000
Vay tổ chức khác	19.008.000.000	27.504.000.000
Pantos Holding Incorporation ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.008.000.000	27.504.000.000
Nợ thuê tài chính	254.262.199.252	189.595.365.616
Beacon Intermodal Leasing LLC ^(iv)	82.836.114.480	48.373.240.582
Cai International, INC ^(v)	34.061.947.081	46.363.300.722
Seaco Global Limited ^(vi)	37.230.195.144	49.674.148.775
Seacube Containers ^(vii)	32.703.777.852	45.184.675.537
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C ^(viii)	67.430.164.695	-
Cộng	1.004.423.377.785	558.711.548.655
Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sômi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby (Hải An Mind).
 - Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
 - Hợp đồng tín dụng số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 2 xe nâng Kalmar.
 - Hợp đồng vay số 01.2021/HĐCV/VCB-HACT để mua tàu HAIAN EAST, số tiền vay tối đa là 73.880.400.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay cố định 2 năm đầu. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành trong tương lai là tàu Container HaiAn East.
 - Hợp đồng tín dụng số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022 số tiền 341.950.000.000 VND, mục đích vay để đầu tư dự án tàu container Marine Bia, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được cố định trong 2 năm đầu, từ năm thứ ba trở đi lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN CITY theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 02.2022/HĐTC/VCB-XDHA.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
 - Hợp đồng vay số 01.2021/HĐCV/VCB-PANHAIAN ngày 14 tháng 7 năm 2021 để tài trợ chi phí đầu tư phương tiện, thiết bị nâng cao năng lực khai thác kho; số tiền vay tối đa là 13.404.000.000 VND với lãi suất vay 2 năm đầu là 7,8%/năm, từ năm thứ 3 bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng +2,8%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản, thiết bị thuộc dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền khai thác kho bãi hình thành từ dự án, máy móc thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VNĐ, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 26/3/2020), có thể trả nợ gốc 1 lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iv) Thuê tài chính của Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng sau:
- Thuê 300 container 40HC theo Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 với giá thuê là 1,99 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/02/2020. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC với giá 1 USD/cont.
 - Thuê 300 container 40HC theo Lease Schedule No. HCT-003 ngày 14/04/2021 với giá thuê là 4,19 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/11/2021. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC với giá 1 USD/cont.
 - Thuê 200 container 20 Dry Standard và 300 container 40 Dry High Cube theo Lease Schedule No. HCT-004 ngày 18/01/2022 với giá thuê lần lượt là 2,4 USD/cont/ngày và 4,07 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 30/04/2022. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô 200 container 20 Dry Standard và 300 container 40 Dry High Cube với giá 1 USD/cont.
- (v) Thuê tài chính lô 300 container 20DC và 200 container 40HC của Công ty CAI International, Inc theo hợp đồng HAIN-550 ngày 12/05/2021 với giá thuê lần lượt là 2,33 USD/cont/ngày và 3,95 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (vi) Thuê tài chính lô 300 container 20 Box Standard và 200 container 40HC của Công ty Seaco Global Limited theo hợp đồng Lease Number - 182972 ngày 01/01/2021 với giá thuê lần lượt là 2,45 USD/cont/ngày và 4,17 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (vii) Thuê tài chính lô 300 container 20DC và 300 container 40HC của Công ty Seacube Containers LLC theo thỏa thuận ngày 12/11/2020 và phụ lục số HATS001 ngày 16/04/2021 với giá thuê lần lượt là 1,81 USD/cont/ngày và 3,11 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.
- (viii) Thuê tài chính lô 400 container 40HC (BW4) và 200 container 20 Box Standard (BX2) của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C theo hợp đồng thuê số HETMTTC/SAOAD.C-HACT ngày 01/04/2022 với giá thuê lần lượt là 4,52 USD/cont/ngày và 2,65 USD/cont/ngày, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày giao container. Sau thời hạn thuê, bên thuê sẽ mua lại toàn bộ lô container với giá 1 USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	889.185.586.740	158.032.408.207	712.292.808.353	18.860.370.180
Vay dài hạn các tổ chức khác	28.512.000.000	9.504.000.000	19.008.000.000	-
Nợ thuê tài chính	347.912.230.164	93.650.030.912	254.262.199.252	-
Cộng	<u>1.265.609.816.904</u>	<u>261.186.439.119</u>	<u>985.563.007.605</u>	<u>18.860.370.180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	456.432.727.074	114.820.544.035	298.703.812.859	42.908.370.180
Vay dài hạn các tổ chức khác	36.672.000.000	9.168.000.000	27.504.000.000	-
Nợ thuê tài chính	243.057.211.630	53.461.846.014	189.595.365.616	-
Cộng	736.161.938.704	177.450.390.049	515.803.178.475	42.908.370.180

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn các tổ chức khác	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	27.504.000.000	341.612.183.039	189.595.365.616	558.711.548.655
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	620.023.500.000	171.690.348.993	791.713.848.993
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(18.716.333.749)	(22.984.108.172)	(41.700.441.921)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(9.504.000.000)	(211.766.170.757)	(93.650.030.912)	(314.920.201.669)
CLTG đánh giá lại cuối năm	1.008.000.000	-	9.610.623.727	10.618.623.727
Số cuối năm	19.008.000.000	731.153.178.533	254.262.199.252	1.004.423.377.785

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do mua thêm công ty con	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	21.356.031.531	21.956.345.935	27.736.686	(5.371.441.000)	37.968.673.152
Quỹ phúc lợi	2.059.864.319	5.493.345.936	-	-	7.553.210.255
Quỹ thưởng Ban điều hành	12.390.244.434	12.347.000.000	1.464.600.000	(4.220.000.000)	21.981.844.434
Cộng	35.806.140.284	39.796.691.871	1.492.336.686	(9.591.441.000)	67.503.727.841

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	252.444.167.284	267.045.737.339	1.335.796.613.176
Mua cổ phiếu quỹ	-	76.034.035.237	22.905.485.178	-	-	-	98.939.520.415
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	445.513.497.100	105.101.858.363	550.615.355.463
Trích lập các quỹ	-	-	-	44.714.314.808	(58.803.777.770)	(2.039.265.675)	(16.128.728.637)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(19.800.000.000)	(67.192.798.000)
Số dư cuối năm trước	487.827.510.000	191.640.648.159	-	280.492.385.617	591.761.088.614	350.308.330.027	1.902.029.962.417
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	191.640.648.159	-	280.492.385.617	591.761.088.614	350.308.330.027	1.902.029.962.417
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	195.130.660.000	-	-	-	(195.130.660.000)	-	-
Tăng vốn trong năm	20.488.500.000	-	-	-	-	31.988.452.205	31.988.452.205
Tăng do mua Công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	821.937.122.836	218.856.110.867	1.040.793.233.703
Trích quỹ trong năm	-	-	-	110.056.396.973	(144.414.676.368)	(5.438.412.476)	(39.796.691.871)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(48.782.751.000)	(19.800.000.000)	(68.582.751.000)
Số dư cuối năm nay	703.446.670.000	191.640.648.159	-	390.548.782.590	1.025.370.124.082	575.914.480.623	2.886.920.705.454

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	703.446.670.000	487.827.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	895.087.318.159	679.468.158.159

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:10 (cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu phổ thông cho người lao động trong Công ty (ESOP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 18 tháng 3 năm 2022. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 195.130.660.000 VND, ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 20.488.500.000 VND. Ngày 17 tháng 11 năm 2022 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 703.446.670.000 VND.

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.344.667	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.344.667	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	70.344.667	48.782.751

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:
- Cổ tức bằng tiền (1.000 VND/cổ phiếu)	: 48.782.751.000
- Cổ tức bằng cổ phiếu (4.000 VND/cổ phiếu)	: 195.130.660.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (20% lợi nhuận sau thuế)	: 82.315.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 12.347.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 16.463.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	5.918.222,65	4.493.413,93
Euro (EUR)	269,07	279,99

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	213.697.646.115	213.760.918.661
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	2.739.622.829.777	1.604.397.455.894
Doanh thu hoạt động khác	252.289.590.272	137.143.044.758
Cộng	<u>3.205.610.066.164</u>	<u>1.955.301.419.313</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	-	194.191.957
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	7.905.699.276	4.987.778.149
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	56.509.618.309	44.321.965.758
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	255.079.548	175.010.190
Chi nhánh Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam) tại thành phố Hải Phòng	1.346.945.779	-
Công ty cổ phần Logistics New Way	260.701.856	1.006.897.534

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	109.370.584.873	91.947.341.973
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	1.438.168.433.899	1.043.659.013.890
Giá vốn hoạt động khác	236.326.270.100	105.401.207.839
Cộng	<u>1.783.865.288.872</u>	<u>1.241.007.563.702</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.641.531.720	4.204.078.882
Lãi tiền cho vay	6.638.301.371	1.555.726.027
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.545.800.500	13.602.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.827.614.821	6.165.711.377
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	49.641.141	748.837.277
Cộng	<u>38.702.889.553</u>	<u>26.276.353.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	57.167.219.413	32.129.730.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.566.031.014	538.073.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.590.343.319	259.402.270
Cộng	<u>76.323.593.746</u>	<u>32.927.206.027</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	73.810.890.721	51.731.852.129
Chi phí vật liệu quản lý	1.904.728.487	981.963.081
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.420.677.263	1.640.388.959
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.078.163.836	2.405.841.530
Thuế, phí và lệ phí	135.534.837	69.527.084
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(57.767.079)	620.627.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.898.472.763	5.521.510.623
Các chi phí khác	26.574.233.038	22.055.865.424
Cộng	<u>113.764.933.866</u>	<u>85.027.576.435</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi giao dịch mua rẻ hợp nhất kinh doanh	3.226.968.067	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	21.088.282.755
Tiền bồi thường	1.302.164.607	1.585.138.884
Xử lý công nợ	813.558.419	247.140.001
Thu nhập khác	260.764.695	175.789.986
Cộng	<u>5.603.455.788</u>	<u>23.096.351.626</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khắc phục sự cố tàu (*)	31.596.771.997	-
Chi phí bồi thường	119.749.218	244.483.088
Chi ủng hộ	-	2.000.000.000
Chi phí khác	1.169.092.783	462.941.058
Cộng	<u>32.885.613.998</u>	<u>2.707.424.146</u>

(*) Trong đó, Chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City là 31.285.163.050 VND. Chi tiết như sau:

Ước tính chi phí không được bồi thường	50.000.000.000
Mức khấu trừ theo đơn bảo hiểm	138.540.000
Chia chi phí BCC cho các bên góp vốn theo hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ký ngày 25 ngày 11 năm 2021 (39,26%)	(18.853.376.950)
Phần Công ty chịu	<u>31.285.163.050</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	821.937.122.836	445.513.497.100
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HĐQT ⁽ⁱ⁾	(47.229.000.000)	(28.810.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	774.708.122.836	416.703.497.100
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	68.520.349	67.137.518
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.306	6.207

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2022 được tạm tính bằng tỷ lệ trích 7% trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48.782.751	47.392.798
Ảnh hưởng của 19.513.066 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 05 năm 2022	19.513.066	19.513.066
Ảnh hưởng của 2.048.850 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 11 năm 2022	224.532	-
Ảnh hưởng của 1.389.900 cổ phiếu quỹ bán trong tháng 11/2021	-	231.650
Ảnh hưởng của 53 cổ phiếu quỹ bán trong tháng 12/2021	-	4
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	68.520.349	67.137.518

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước cũng được tính toán lại do ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 8.750 VND xuống còn 6.207 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	663.077.925.656	452.491.131.879
Chi phí nhân công	227.542.715.691	166.157.137.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định ^(*)	278.066.256.436	163.541.926.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	583.263.891.046	389.188.983.587
Chi phí khác	145.679.433.909	154.655.960.590
Cộng	1.897.630.222.738	1.326.035.140.137

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí khấu hao phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.144.135.814	182.217.419.824
Chia chi phí khấu hao hoạt động BCC cho các đơn vị	(31.024.929.272)	(18.675.492.855)
Nhận phân bổ chi phí khấu hao hoạt động BCC	15.947.049.894	-
Cộng	<u>278.066.256.436</u>	<u>163.541.926.969</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ bằng cách chia cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 195.130.660.000 VND.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 913.200.000 VND (cùng kỳ năm trước là 740.400.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.860.738.462	120.000.000	1.537.589.939	3.518.328.401
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.176.240.000	120.000.000	1.053.591.174	2.349.831.174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	939.891.400	120.000.000	802.410.900	1.862.302.300
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	120.000.000	90.000.000	210.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	415.150.000	133.200.000	239.200.000	787.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng Giám đốc	1.268.074.987	-	-	1.268.074.987
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	761.760.000	-	495.382.404	1.257.142.404
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	-	84.965.277	399.365.277
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	25.000.000	60.000.000	72.000.000	157.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	36.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	60.000.000	36.000.000	96.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	620.050.000	-	406.218.964	1.026.268.964
	<u>7.381.304.849</u>	<u>913.200.000</u>	<u>4.943.358.658</u>	<u>13.237.863.507</u>
Năm trước				
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.450.430.772	96.000.000	1.450.934.282	2.997.365.054
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	944.500.000	96.000.000	839.055.936	1.879.555.936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	641.129.250	103.200.000	418.032.500	1.162.361.750
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	308.420.000	96.000.000	272.281.993	676.701.993
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	415.150.000	109.200.000	209.200.000	733.550.000
Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng Giám đốc	611.227.200	-	373.710.567	984.937.767
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	184.760.000	-	92.046.666	276.806.666
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	74.920.000	-	9.970.000	84.890.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	48.000.000	36.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	453.740.000	-	293.611.096	747.351.096
Cộng	<u>5.084.277.222</u>	<u>740.400.000</u>	<u>4.102.843.040</u>	<u>9.927.520.262</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam) Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i>		
Chi phí thuê văn phòng	3.593.588.486	3.258.233.471
HATS trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	27.100.000.000	20.000.000.000
Phân chia lãi BCC	70.087.087.492	33.444.520.992
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức</i>		
HATS trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
HACT chia lợi nhuận	5.200.000.000	5.200.000.000
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	33.434.259.269	20.099.196.379
HACT sử dụng dịch vụ vận chuyển	92.105.500	7.858.290.902
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	45.200.000.000	7.000.000.000
Phân chia lãi BCC	58.587.552.018	24.595.363.747
Bên liên quan chia cổ tức	-	10.800.000.000
Cung cấp phần mềm kho và bảo trì phần mềm cho Pan Hải An	-	2.160.000.000
Cho vay	23.000.000.000	-
Thu tiền cho vay	23.000.000.000	-
Lãi cho vay	84.821.917	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</i>		
Sử dụng dịch vụ	342.555.560	364.909.088
<i>Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</i>		
HATS sử dụng dịch vụ	-	80.636.450
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	33.176.226.110	21.471.220.748
Sử dụng dịch vụ khác	180.556	145.700.000
<i>Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh</i>		
HATS trả cổ tức	-	1.503.200.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.14 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	213.697.646.115	2.739.622.829.777	252.289.590.272	3.205.610.066.164
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.697.646.115	2.739.622.829.777	252.289.590.272	3.205.610.066.164
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	104.327.061.242	1.301.454.395.878	15.963.320.172	1.421.744.777.292
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(113.764.933.866)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.307.979.843.426
Doanh thu hoạt động tài chính				38.702.889.553
Chi phí tài chính				(76.323.593.746)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				29.339.272.188
Thu nhập khác				5.603.455.788
Chi phí khác				(32.885.613.998)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(231.623.019.508)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.040.793.233.703
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.161.932.963	1.511.362.985.240	1.878.712.987	1.531.403.631.190
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	23.916.262.366	174.163.695.995	20.137.240.532	218.217.198.893
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	213.760.918.661	1.604.397.455.894	137.143.044.758	1.955.301.419.313
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.760.918.661	1.604.397.455.894	137.143.044.758	1.955.301.419.313
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	121.813.576.688	560.738.442.004	31.741.836.919	714.293.855.611
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(85.027.576.435)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				629.266.279.176
Doanh thu hoạt động tài chính				26.276.353.563
Chi phí tài chính				(32.927.206.027)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				19.313.009.227
Thu nhập khác				23.096.351.626
Chi phí khác				(2.707.424.146)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(111.702.007.956)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				550.615.355.463
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	33.910.551.026	631.106.118.648	16.938.483.000	681.955.152.674
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.325.791.317	116.582.652.110	18.683.753.400	162.592.196.827

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	200.060.158.880	3.271.400.971.792	694.374.677.284	4.165.835.807.956
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				883.583.689.120
Tổng tài sản				5.049.419.497.076
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.449.683.398	1.503.352.351.843	604.702.106.297	2.132.504.141.538
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				29.994.650.084
Tổng nợ phải trả				2.162.498.791.622
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	188.351.769.721	1.879.832.234.122	497.264.264.955	2.565.448.268.798
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				666.897.105.173
Tổng tài sản				3.232.345.373.971
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.025.115.708	920.014.451.724	315.923.164.151	1.250.962.731.583
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79.352.679.971
Tổng nợ phải trả				1.330.315.411.554

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn